

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Uyên**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÊ LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Uyên  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Uyên

Mã SV: 1112401113

Lớp: QT1505K

Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh**

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh

## **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh, sử dụng số liệu năm 2013.

## **3.Địa điểm thực tập tốt nghiệp:**

- Công ty TNHH thương mại Mê Linh

- Địa chỉ: Số 221 Tô Hiệu, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: **Phạm Văn Tường.**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ.**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học dân lập Hải Phòng.**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp.**

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015.

**Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN**

Sinh viên

**Đã giao nhiệm vụ ĐTTN**

Người hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2015*

***Hiệu trưởng***

***GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị***

## **PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.

- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động

- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.

- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh

- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

- Điểm số:

- Điểm chữ:

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2015*

**Cán bộ hướng dẫn**

**Ths. Phạm Văn Tường**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	1
1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	1
1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	1
1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu .....	1
1.1.1.2 Khái niệm về chi phí .....	2
1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.1.3 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	3
1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.2.1 Kế toán doanh thu .....	5
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	5
1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp .....	11
1.2.1.3 Kế toán thu nhập khác .....	12
1.2.1.4 Kế toán giảm trừ doanh thu .....	15
1.2.2 Kế toán chi phí .....	16
1.2.2.1 Giá vốn hàng bán .....	16
1.2.2.2 Chi phí bán hàng .....	18
1.2.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp .....	19
1.2.2.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	21

1.2.2.5 Kế toán chi phí khác .....	22
1.2.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	23
1.2.3 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	24
1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán .....	26
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....</b>	<b>29</b>
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại Mê Linh .....	29
2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại Mê Linh .....	29
2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty .....	30
2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh. ....	30
2.1.2.2 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của công ty .....	30
2.1.2.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty .....	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty. ....	32
2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....	32
2.1.3.2 Đặc điểm chế độ kế toán .....	34
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác .....	47
2.2.2 thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán , chi phí bán hàng. chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí hoạt động tài chính .....	51
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán .....	51
2.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng .....	57
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	62
2.2.2.4 Kế toán chi phí khác .....	67
2.2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	70



2.2.3. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	75
CHƯƠNG 3:MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 87 TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÊ LINH.....	87
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh.....	87
3.1.1 Kết quả đạt được .....	87
3.1.2 Hạn chế .....	88
3.1.2.1 . Về chứng từ sử dụng.....	88
3.1.2.2 Tài khoản sử dụng .....	88
3.1.2.3 Phương pháp tính giá hàng xuất kho .....	88
3.1.2.4 về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán .....	88
3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh.....	88
3.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán .....	88
3.2.2 Hoàn thiện tài khoản sử dụng .....	90
3.2.3 Về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho .....	90
3.2.4 Về việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán .....	90
KẾT LUẬN .....	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	95

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.1.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 1.1.1.1 Các khái niệm về doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

#### Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- **Hàng bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã ký kết.

- **Giảm giá hàng bán:** Là số tiền giảm trừ cho khách ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian địa điểm trong hợp đồng.

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

#### - Thuế và các khoản thuế không khấu trừ

Thuế tiêu thụ đặc biệt được tính cho các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng mà nhà nước không khuyến mãi như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá,...

Thuế xuất khẩu: được tính cho tất cả các tổ chức, cá nhân bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ với nước ngoài

Thuế GTGT trực tiếp: đơn vị áp dụng thuế GTGT trực tiếp thì kế toán không sử dụng các TK133, 3331 để theo dõi khoản thuế bán ra và thuế mua vào. Cuối mỗi tháng, kế toán phải tổng hợp được doanh số bán ra và doanh số mua vào để tính số thuế GTGT còn phải nộp cho nhà nước

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

#### 1.1.1.2 Các khái niệm về chi phí

- **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán... nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ,... Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế,...

#### 1.1.1.3 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1.1.3.1 Khái niệm

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

##### 1.1.1.3.2 Nội dung

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là tổng số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

- **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính với chi phí tài chính.

- **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với chi phí khác.

### **1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán.. nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời kiểm soát việc thu hồi công nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ.

- Lựa chọn đúng phương pháp tính giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Đưa ra các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.3 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể đưa ra những chiến lược sản xuất, những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao cho doanh

thu của doanh nghiệp đạt được hiệu quả mong muốn, giảm chi phí ở mức thấp nhất có thể.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

✓ **Đối với doanh nghiệp:**

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

✓ **Đối với các nhà đầu tư:**

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

✓ **Đối với các trung gian tài chính:**

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

✓ **Đối với nhà nước:**

- Cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia từ số liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, nhà nước đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất, tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Đối với DN có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của nhà nước không bị thất thoát.

✓ **Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:**

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết

nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## **1.2 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1 Kế toán doanh thu**

#### **1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **✓ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### **✓ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **✓ Thời điểm ghi nhận doanh thu.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Nghĩa là khi được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

##### **✓ Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả VAT).
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu)
- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kỳ) và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK 511:
  - Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị nội bộ với nhau
  - Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được (TK 711)
  - Các khoản nợ không có người đòi
  - Các khoản thu nhập khác
  - **Các phương thức bán hàng**  
*Phương thức bán hàng trực tiếp (bán tại chỗ):* là phương thức khách hàng trực tiếp đến doanh nghiệp để mua hàng không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:



- **Bán buôn:** là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

- **Bán lẻ:** là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

**Phương thức gửi hàng đi bán :** Doanh nghiệp gửi hàng đến tận người mua, khi nào người mua thanh toán, thanh toán một phần hoặc chấp nhận thanh toán mới coi là tiêu thụ.

**Phương thức bán hàng qua đại lý:** doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

**Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

**Phương thức hàng đổi hàng:** Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa vật tư tương ứng trên thị trường

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, phiếu xuất,...
- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu,...

**\* Tài khoản sử dụng**

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 5 tài khoản cấp 2



- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5118: Doanh thu khác

**\*Kết cấu TK 511**

- **Bên Nợ:**
  - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
  - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
  - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
  - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
  - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
  - Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

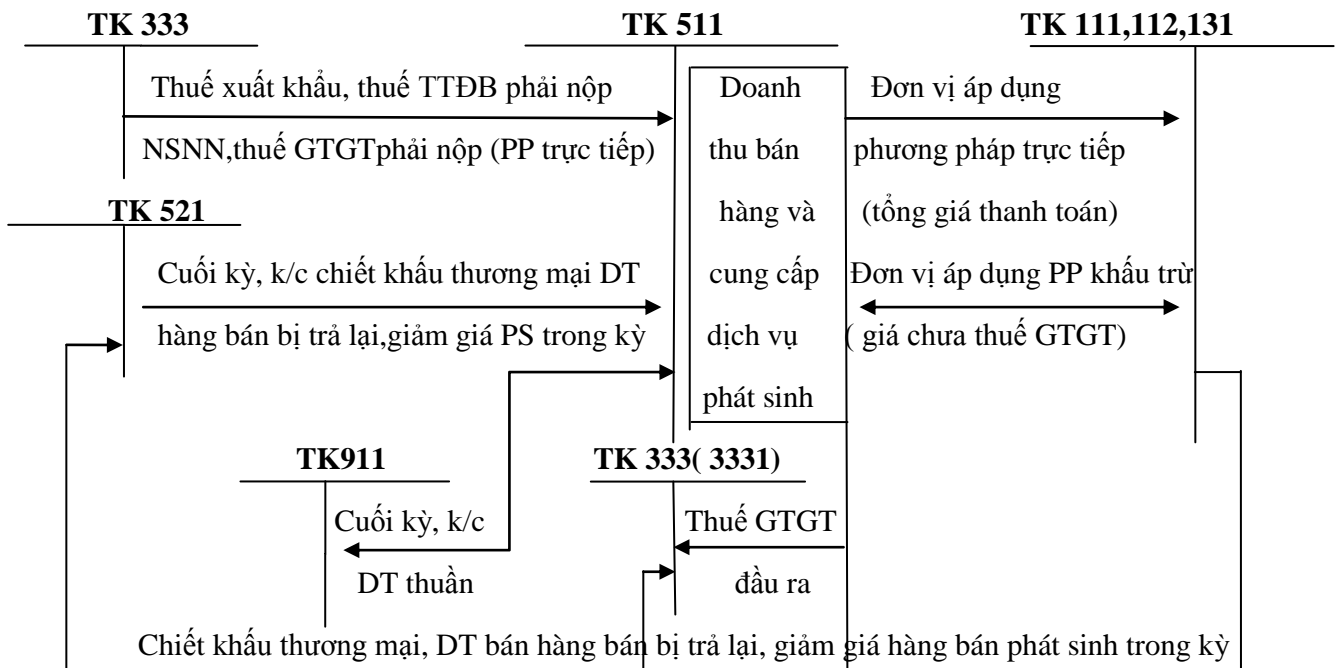
- **Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

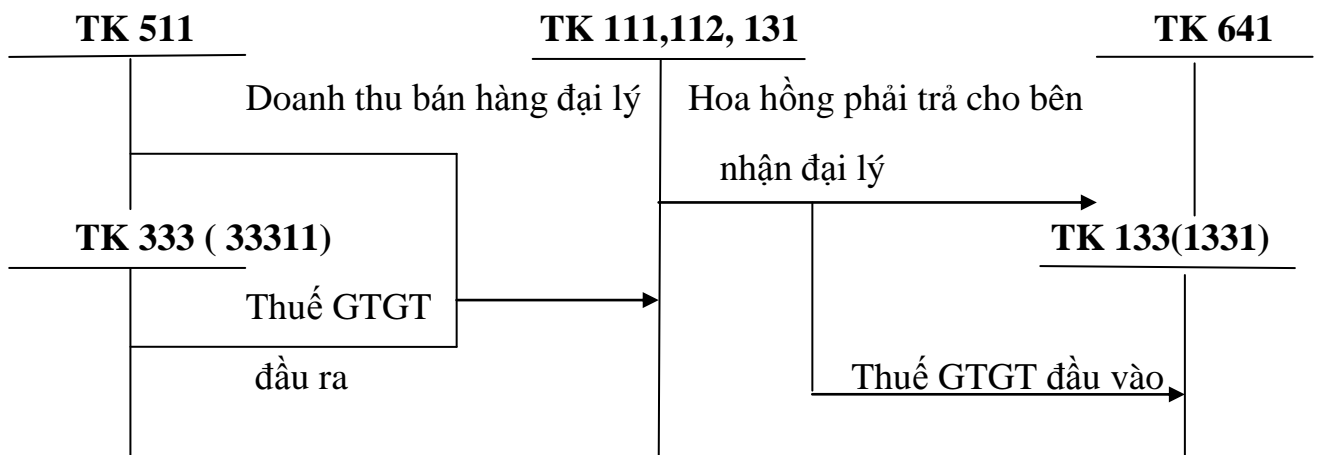
Tài khoản 511 không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán**

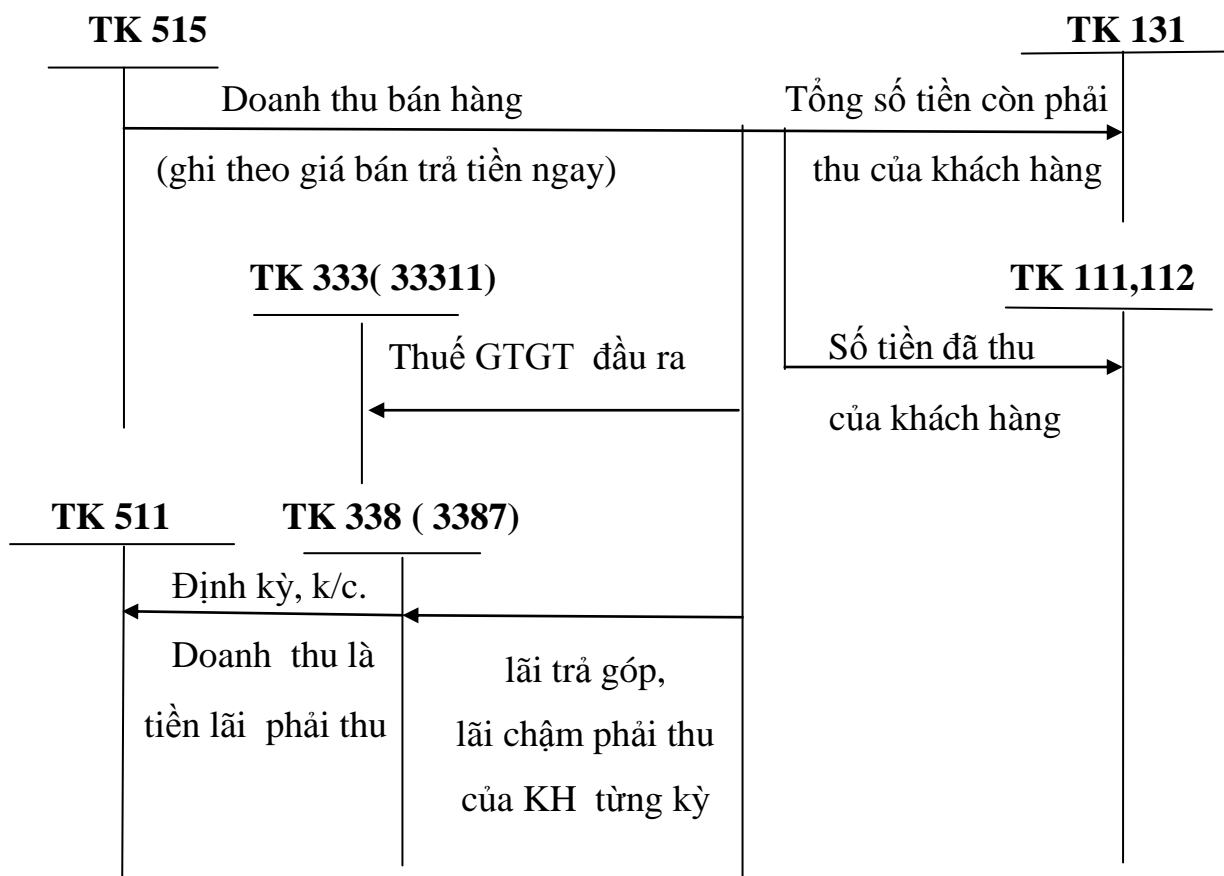
**Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp**



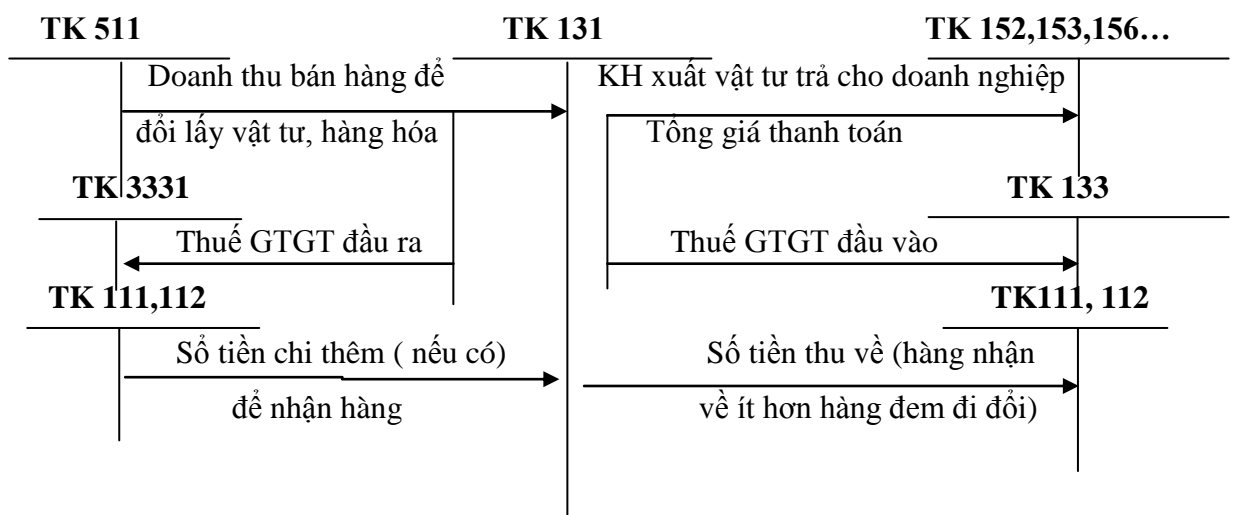
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý ( theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm ( hoặc trả góp)**



**Sơ đồ 1.4 Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng**



**1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp****\* Nội dung doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:**

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ..
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản ( bằng sáng chế, nhãn hiệu, thương hiệu, phần mềm vi tính,...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác..

**\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu kế toán
- Giấy báo có
- Giấy báo chia lãi cổ tức
- Bản sao kê của ngân hàng và các chứng từ khác liên quan

**\* Tài khoản sử dụng TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính****\* Kết cấu TK 515****Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

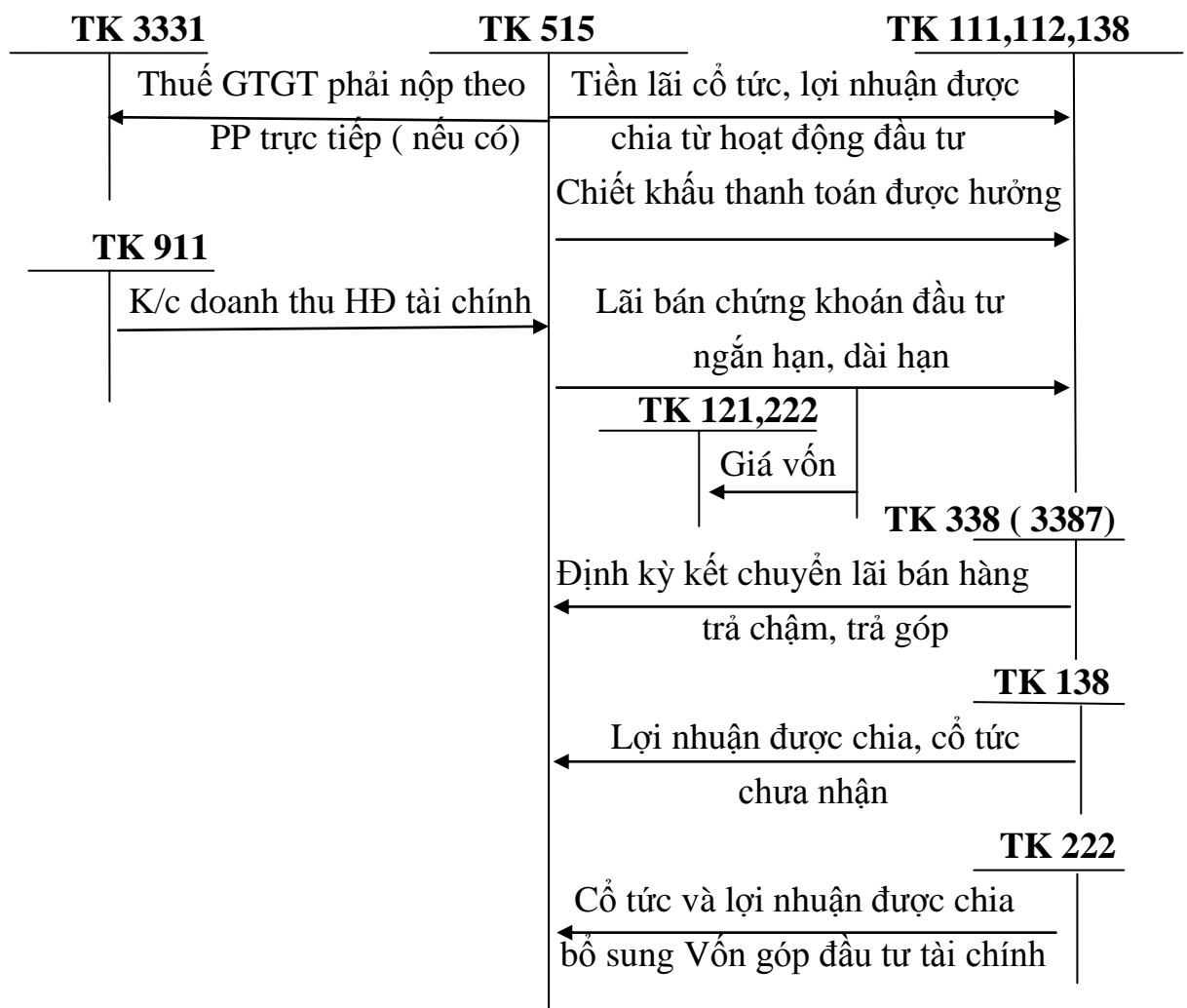
**Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ, phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh hoặc do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ( giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ  
Tài khoản 515 không có số dư.

**\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**1.2.1.3 Kế toán thu nhập khác**

**Nội dung của các khoản thu nhập khác:**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ

khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách hoàn lại, thu các khoản nợ không xác định được chủ. Các khoản tiền thưởng của khách hàng, thu nhập từ quà tặng,...

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 711- Thu nhập khác

**\* Kết cấu TK 711**

**Bên nợ**

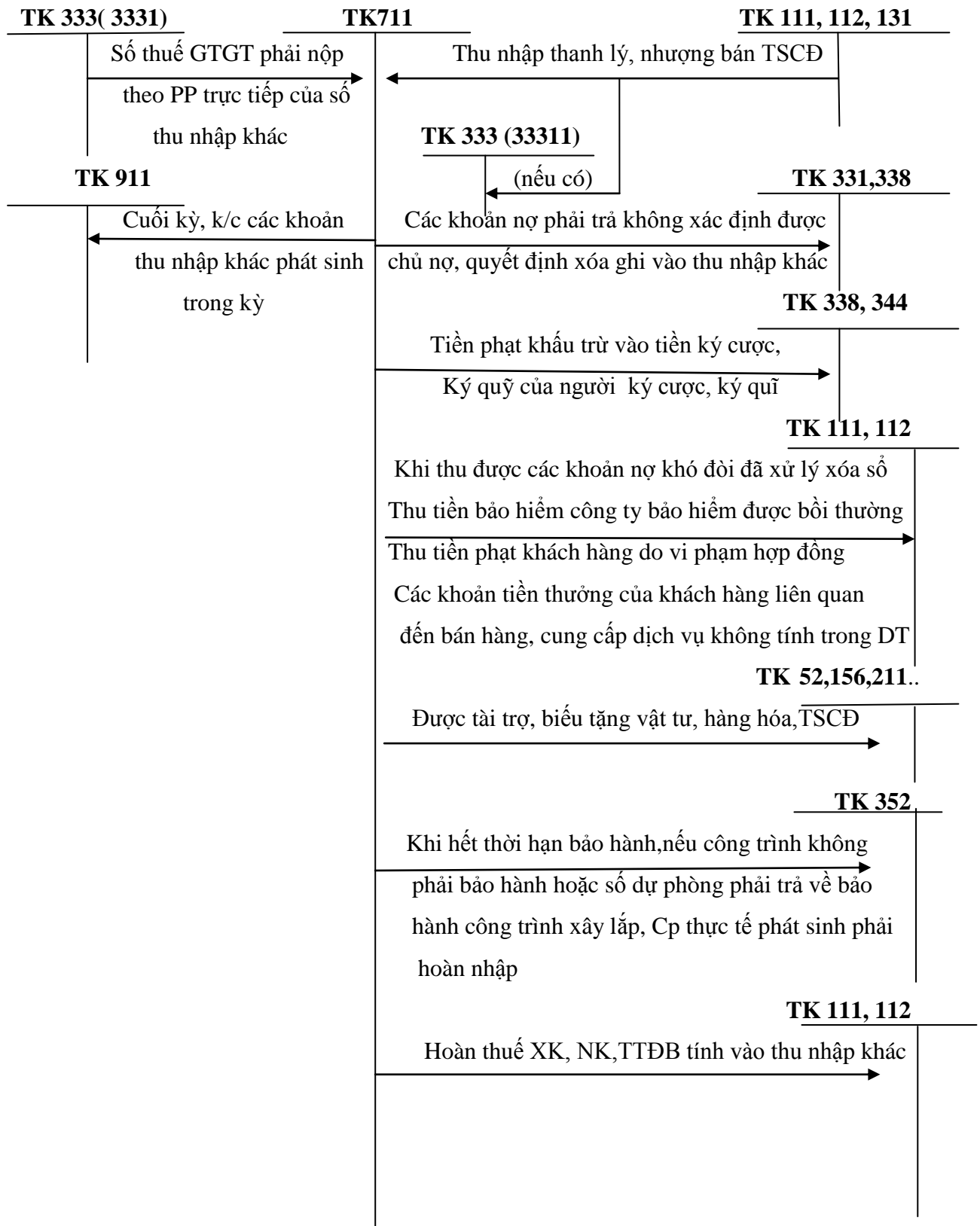
- Số thuế GTGT phải nộp ( nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ( nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- TK 711 không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác**



**1.2.1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

**\* Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

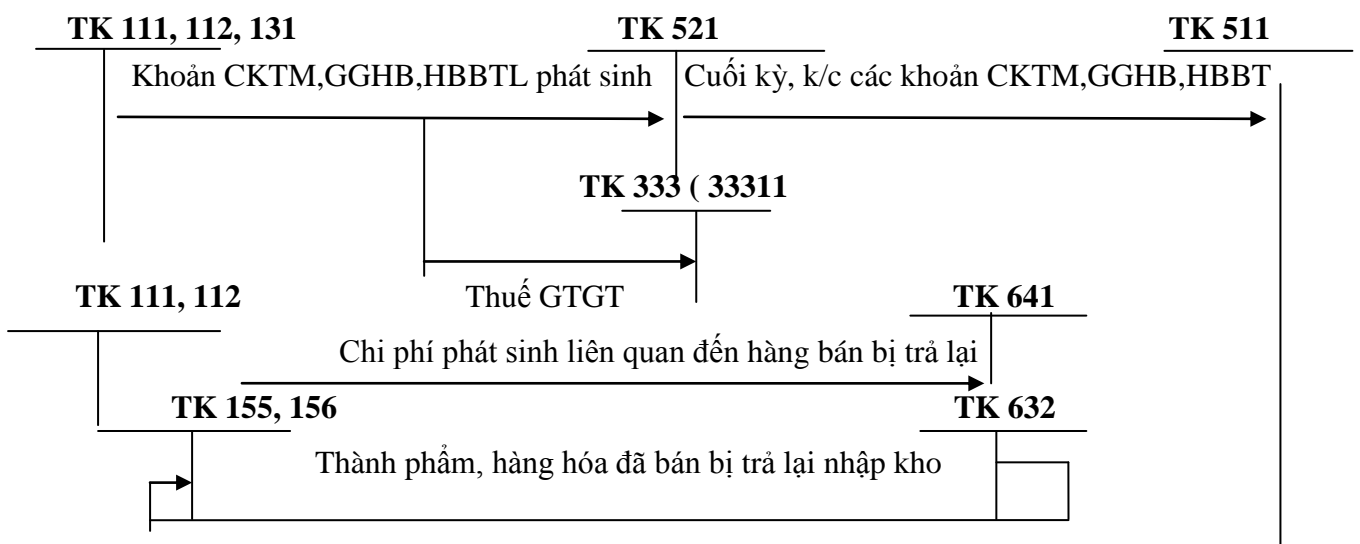
Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211- Chiết khấu thương mại
- TK 5212- Hàng bị trả lại
- TK 5213- Giảm giá hàng bán

**\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại**

- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ





## 1.2.2 Kế toán chi phí

### 1.2.2.1 Giá vốn hàng bán

**\* Nội dung giá vốn hàng bán bao gồm:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí vượt mức về sản xuất, xây dựng và tự chế TSCĐ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ
- Các khoản hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường thu được
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

**\* Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:**

*Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho X Đơn giá bình quân xuất kho*

*Đơn giá bình quân xuất kho được tính bằng 1 trong các phương pháp sau:*

**Phương pháp bình quân gia quyền:**

Đơn giá bình quân xuất kho được xác định bằng nhiều cách:

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít doanh điểm nhưng số lần nhập, xuất mặt hàng lại nhiều, căn cứ thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hóa.*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập}}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

**Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)**

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

### **Phương pháp nhập sau xuất trước ( LiFO)**

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

### **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra ( trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt ( dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng.

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng,...

**\* Tài khoản sử dụng:** TK 632: Giá vốn hàng bán

#### **\* Kết cấu tài khoản 632**

##### **Bên nợ**

- Ghi nhận chi phí về giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ.

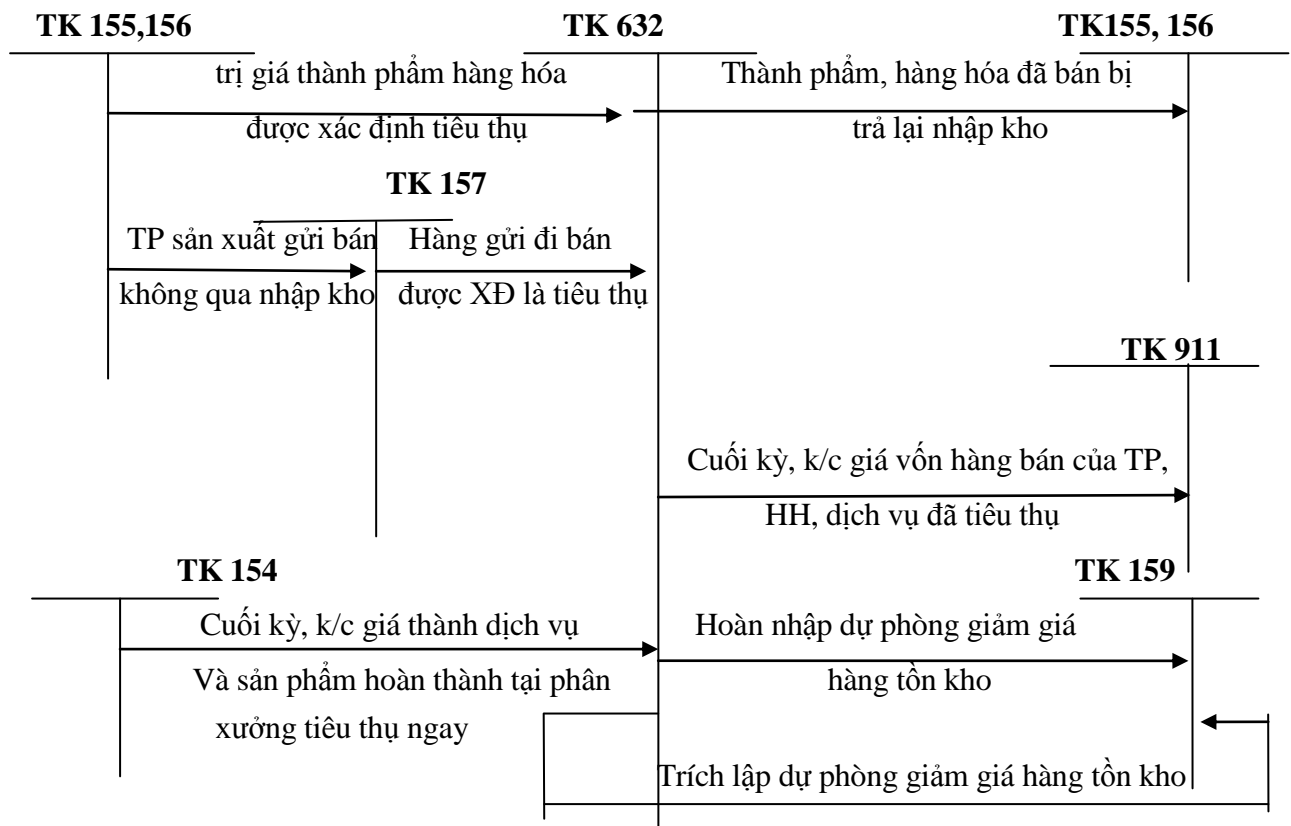
##### **Bên có**

- Khoản điều chỉnh giảm giá chi phí về giá vốn
- Kết chuyển chi phí về giá vốn sang tài khoản 911- “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 632 không có số dư

#### **\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên**



**1.2.2.2 Chi phí bán hàng**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 641 “Chi phí bán hàng”
- Tài khoản chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:
- TK 6411- “ Chi phí nhân viên”
  - TK 6412 -“ Chi phí vật liệu, bao bì”
  - TK 6413- “ Chi phí dụng cụ, đồ dùng”
  - TK 6414- “ Chi phí khấu hao TSCĐ”
  - TK 6415- “ Chi phí bảo hành”
  - TK 6417- “ Chi phí dịch vụ mua ngoài”

- TK 6418- “ Chi phí bằng tiền khác”

**\*Kết cấu TK 641**

**Bên nợ:**

- Các chi phí phát sinh liên quan đến qua trình bán hàng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

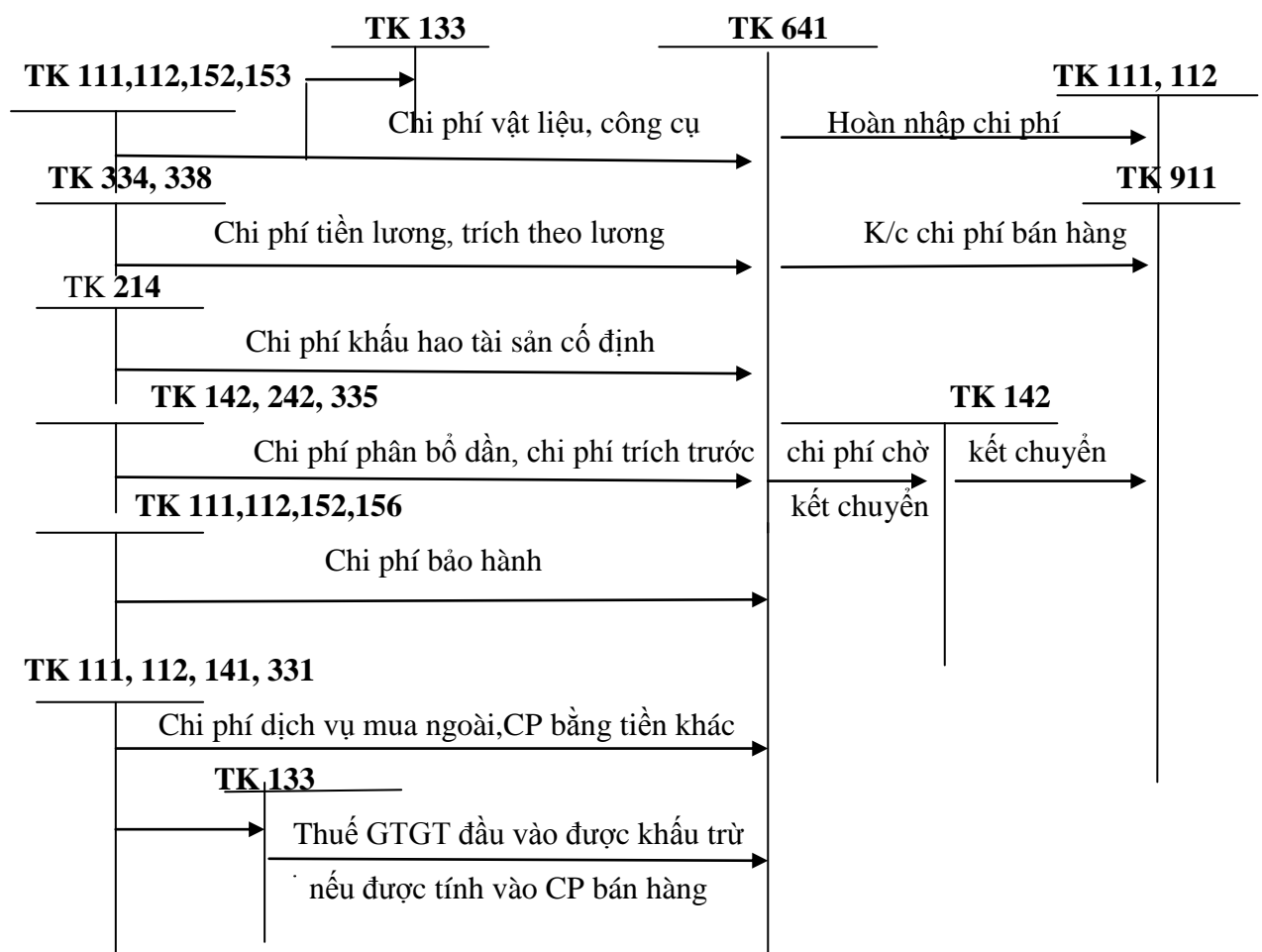
**Bên có:**

- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên TK 911-“ Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí bán hàng**



**1.2.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ KH

- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho,...

**\* Tài khoản sử dụng**

TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421- “ Chi phí nhân viên quản lý”
- TK 6422 -“ Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423- “ Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424- “ Chi phí khấu hao TSCĐ”
- TK 6425- “ Thuế, phí và lệ phí”
- TK 6426- “ Chi phí dự phòng”
- TK 6427- “ Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428- “ Chi phí bằng tiền khác”

**\*Kết cấu tài khoản 642**

**Bên nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

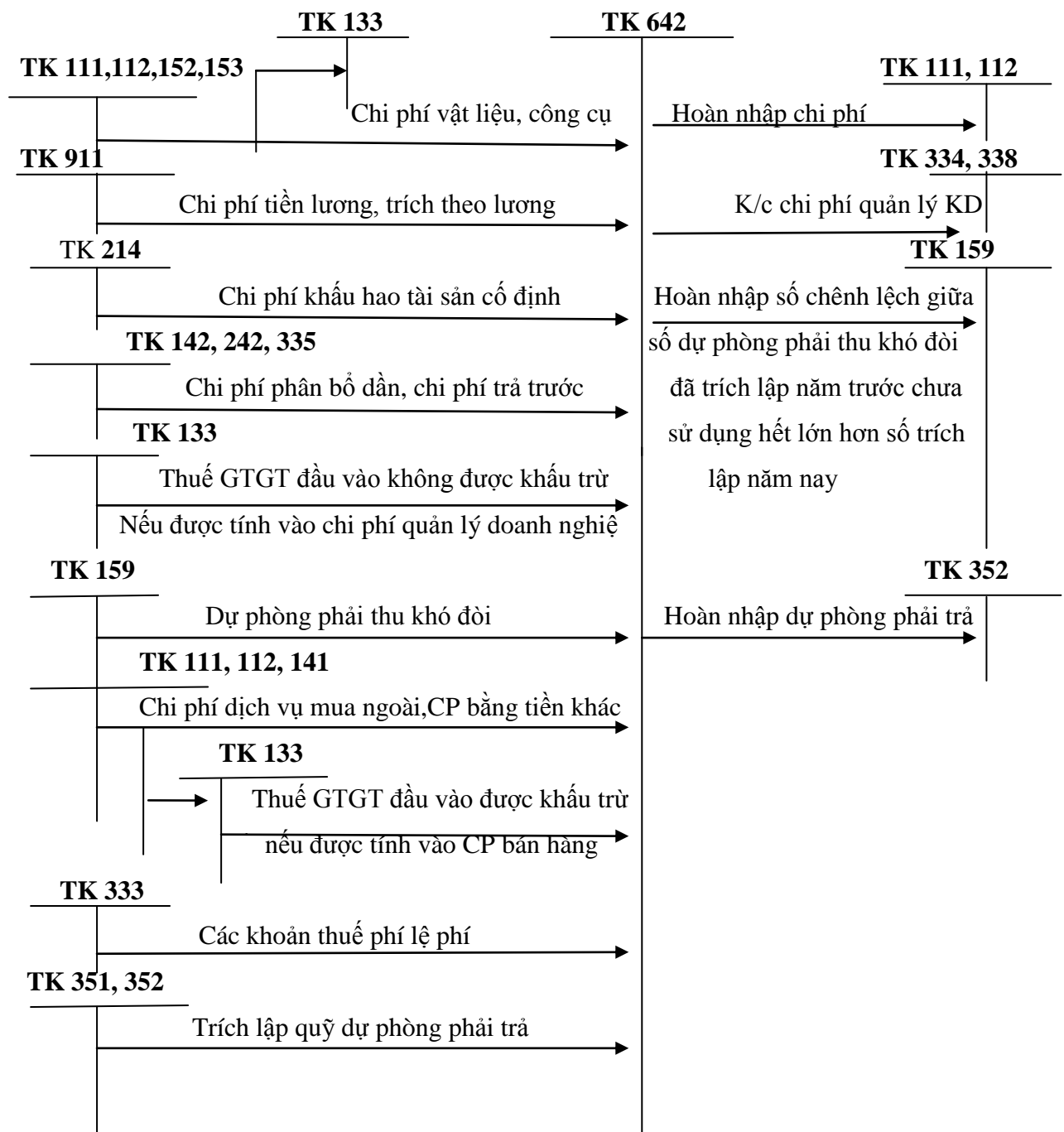
**Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào TK 911-“ Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 642 không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.2.2.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, phiếu kế toán
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Các chứng từ gốc có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng: TK 635: Chi phí tài chính**

**\* Kết cấu TK 635**

**Bên nợ**

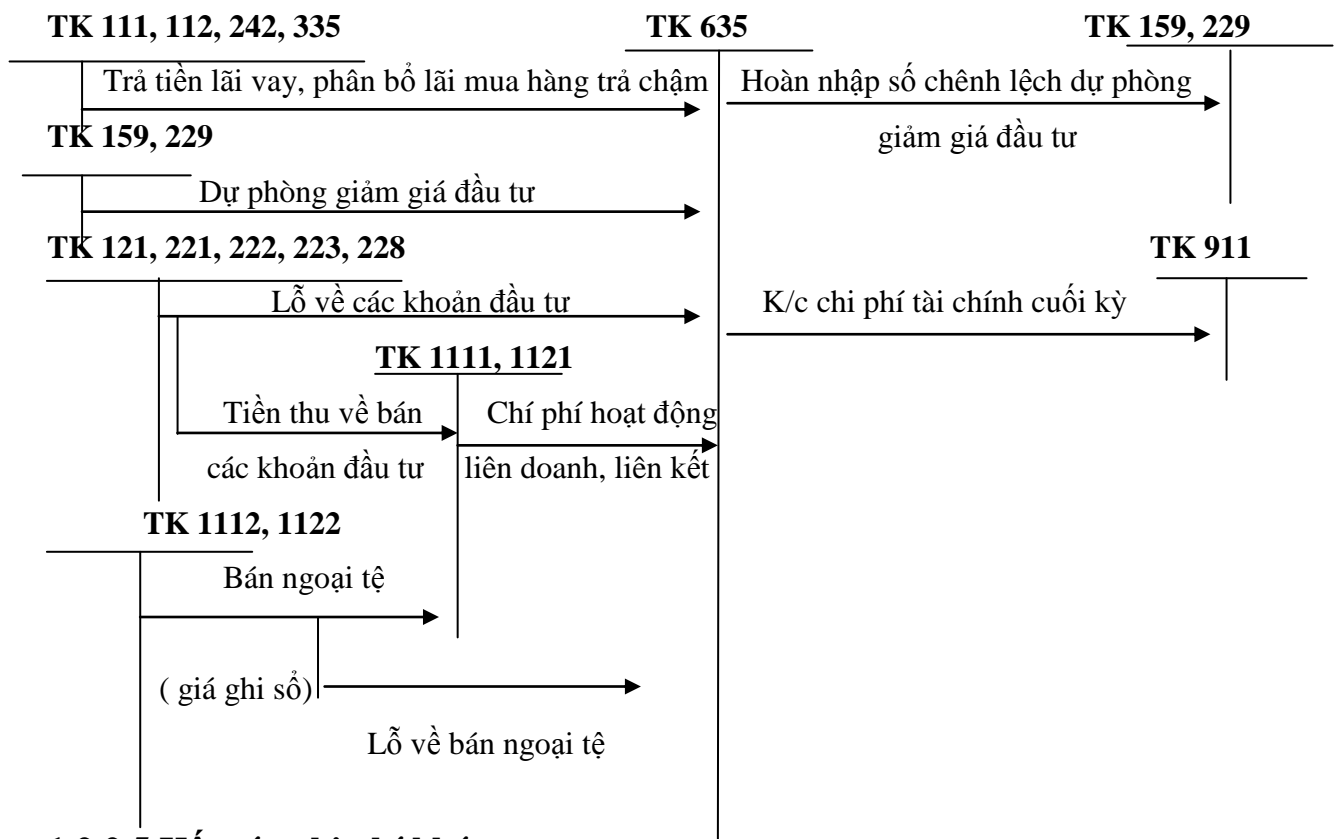
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ
- Khoản lỗ phát sinh trong khi bán ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

**Bên có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
  - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 635 không có số dư.

**\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.2.2.5 Kế toán chi phí khác**

**\* Nội dung**

Chi phí khác của DN gồm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ ( nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, chi phí do bị nhầm, bỏ sót, chi phí khác.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác

**\* Kết cấu TK 811**

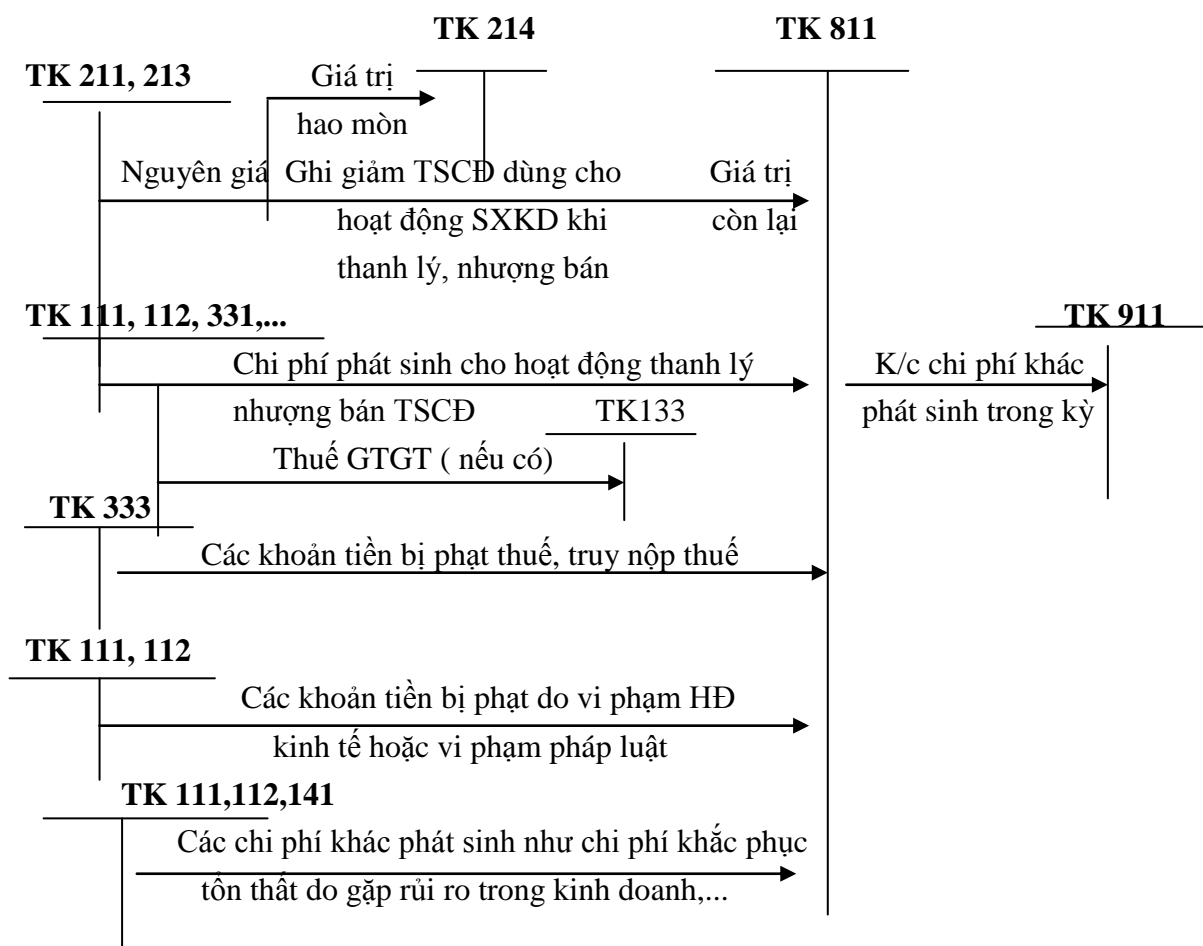
**Bên nợ:** Các khoản chi phí khác phát sinh

**Bên có:** Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí khác**



**1.2.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Giấy nộp tiền
- Các chứng từ khác có liên quan,...



**\* Tài khoản sử dụng**

TK 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211-“ Chi phí thuế TNDN hiện hành”
- TK 8212-“ Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

**Bên nợ:**

Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ

Chi phí thuế TNDN ghi tăng thêm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

**Bên có:**

Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp và chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

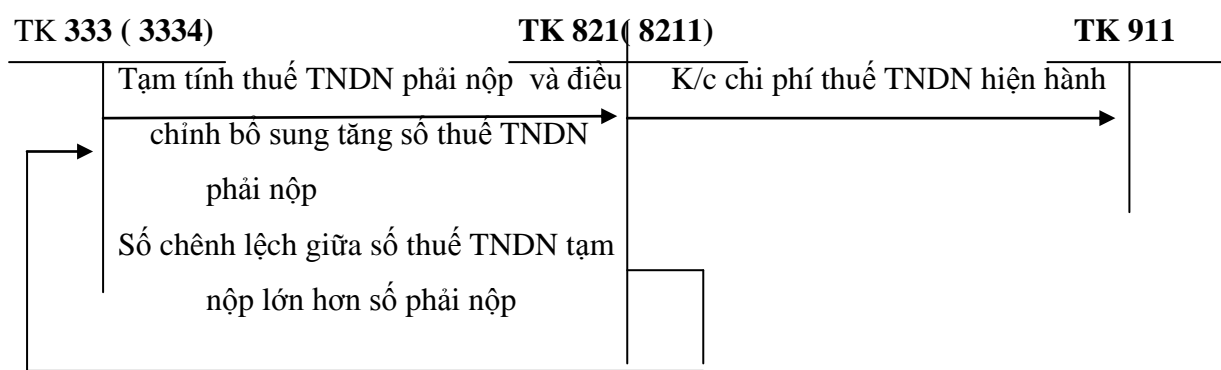
Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:**

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

**\* Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



**1.2.3 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

**Cách xác định kết quả kinh doanh:**

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{DT bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

doanh thu.

**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.

**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí bán hàng- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.

**Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** + **Lợi nhuận từ hoạt động khác**

**\* Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

Các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí

**\* Tài khoản sử dụng:**

TK 911-“ xác định kết quả kinh doanh”

TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

Tài khoản này có nội dung và kết cấu như sau:

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ

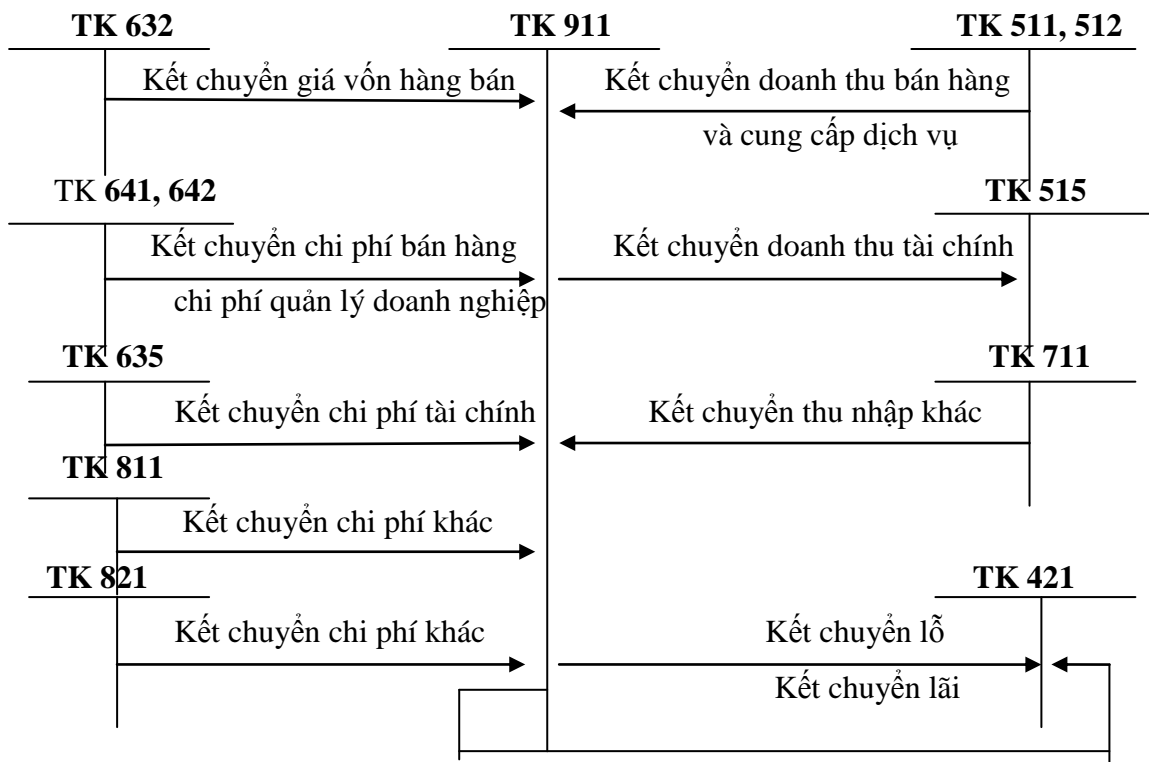
**Bên có:**

- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác
- Lãi về các hoạt động trong kỳ

Tài khoản này không có số dư

**\* Phương pháp hạch toán:**

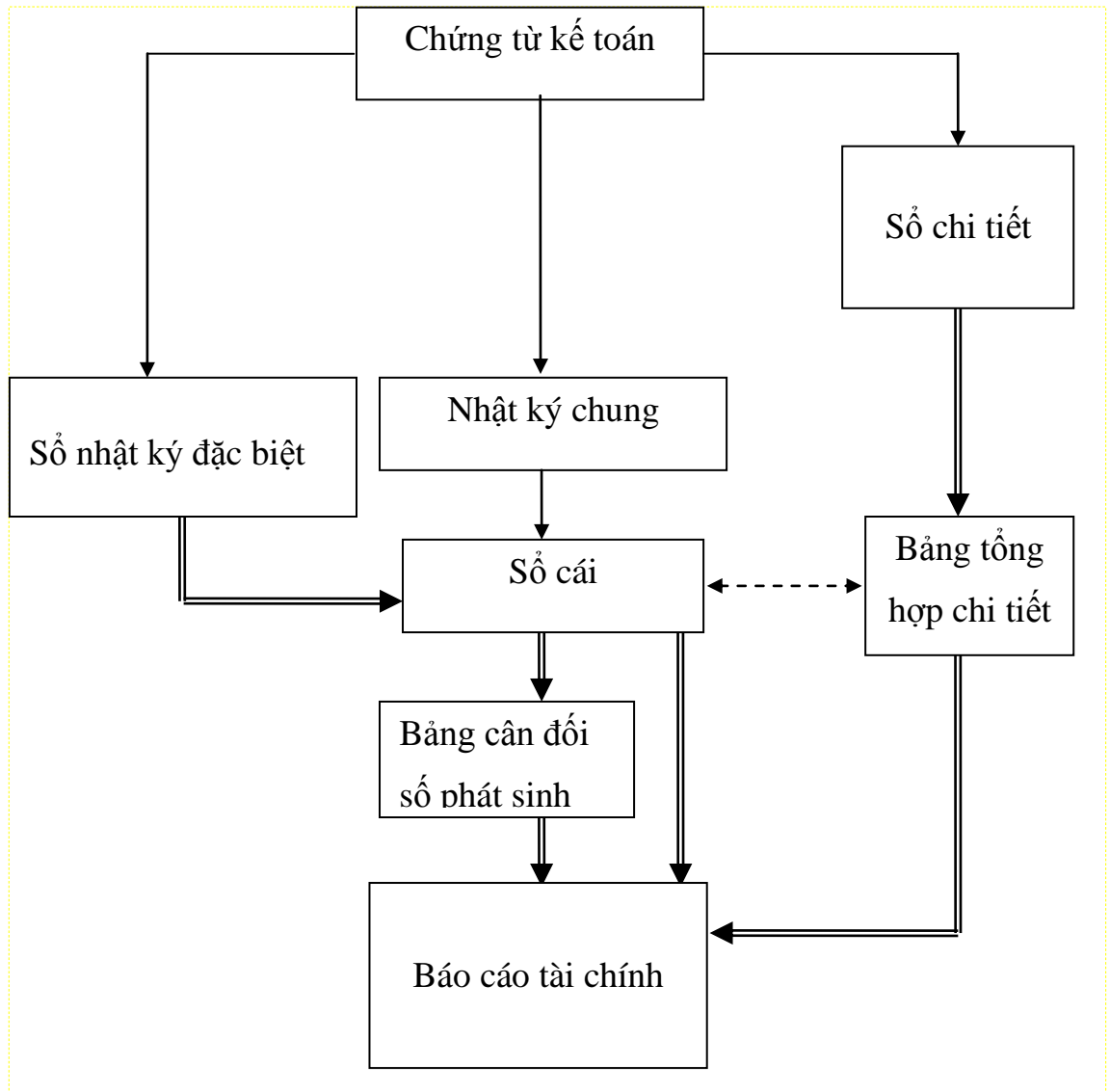
**Sơ đồ 1.14: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



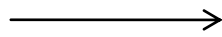
**1.3 Các hình thức ghi sổ kế toán**

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

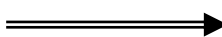
**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**



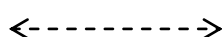
**Ghi chú:**



Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật lý đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái.
- Cuối tháng, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, kế toán lập các báo cáo tài chính.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÊ LINH**

### **2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại Mê Linh**

#### **2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại Mê Linh**

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại Mê Linh.

Tên giao dịch quốc tế: ME LINH TRADING CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: ME LINH CO

Địa chỉ trụ sở: Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3610016

Fax: 031.3610468

Mã số thuế: 0200409255

Email: [Melingco@hn.vnn.vn](mailto:Melingco@hn.vnn.vn)

Giấy chứng nhận kinh doanh số 0202000082 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 8 năm 2009 do ông Vũ Ngọc Sinh làm giám đốc

Vốn điều lệ: 9.850.000.000 đồng ( chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam )

Công ty TNHH thương mại Mê Linh được thành lập ngày 27 tháng 07 năm 2000 theo quyết định số 0102000082 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Năm 2000 trong khi công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa của nền kinh tế đất nước có bước chuyển biến tích cực, chính sách kinh tế mở rộng, quan hệ thương mại với các nước trên thế giới ngày càng mở rộng và phát triển. Thành phố Hải Phòng với vị trí địa lý thuận lợi cả về đường biển lẫn đường bộ với nguồn nhân lực dồi dào. Đứng trước cơ hội đó, ông Vũ Ngọc Sinh đã mạnh dạn thành lập công ty lấy tên là công ty TNHH thương mại Mê Linh với tổng số vốn góp ban đầu 9.850.000.000 đồng

Công ty TNHH thương mại Mê Linh là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định, độc lập về tài chính, có con dấu riêng. Công ty tự chịu trách nhiệm về tài sản, chịu trách nhiệm các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ và hoạt động sản xuất kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về mặt tài chính.

## **2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty**

### **2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh.**

- Kinh doanh lắp ráp, sửa chữa xe gắn máy hai bánh.
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng.
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp.
- Dịch vụ vận tải, du lịch, thể thao, giải trí.....

Là một công ty kinh doanh tổng hợp gồm nhiều ngành nghề khác nhau, đa dạng, phong phú từ buôn bán hàng hóa đến cung ứng dịch vụ, trong đó nét nổi bật lên đặc trưng là hoạt động buôn bán và dịch vụ xoay quanh trực chính là ngành nghề liên quan đến kinh doanh lắp ráp và sửa chữa xe gắn máy hai bánh.

### **2.1.2.2 Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của công ty**

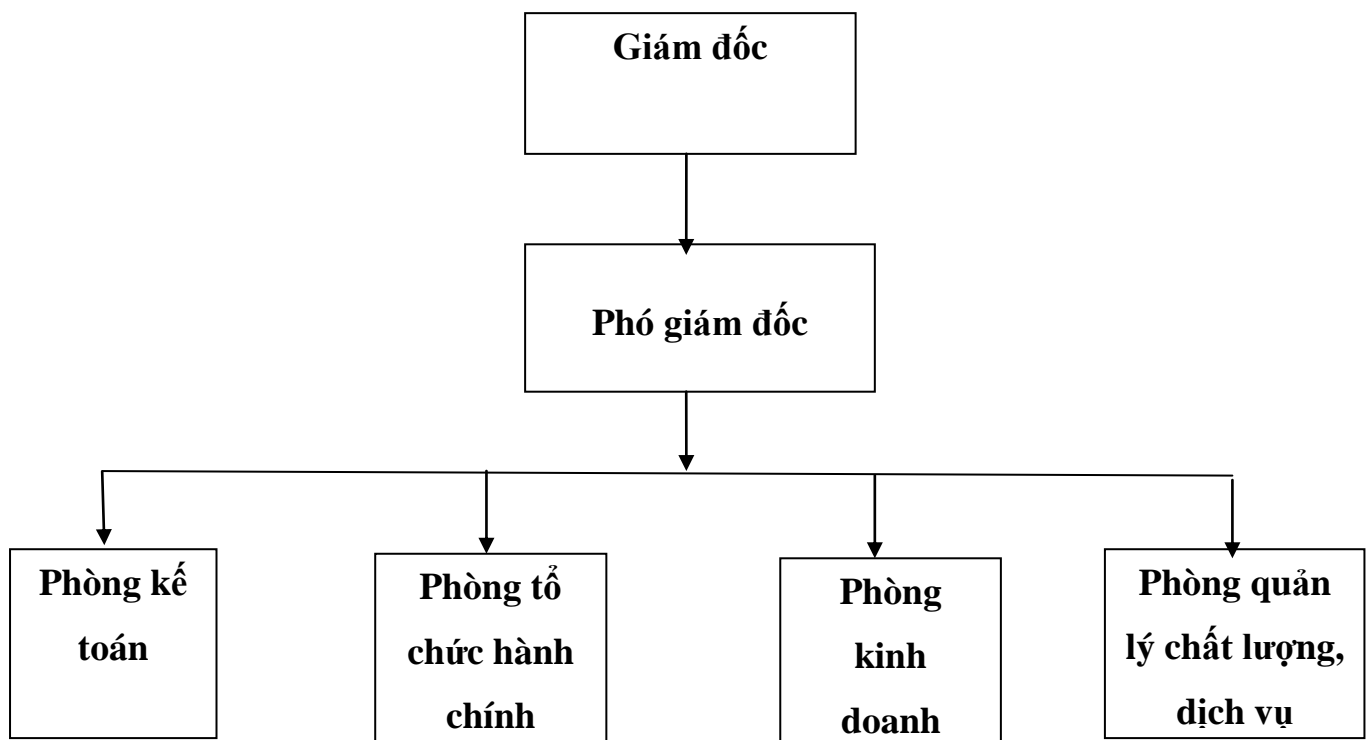
Công ty TNHH thương mại Mê Linh là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xây dựng, tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch do nhà nước đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập.
- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng trong và ngoài nước.
- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.
- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường trong và ngoài nước.
- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện những quy định của nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.
- ✓ Để tăng tính chủ động trong hoạt động kinh doanh, công ty có quyền hạn sau:
  - Được chủ động đàm phán, kí kết và thực hiện những hợp đồng sản xuất kinh doanh. Giám đốc công ty là người đại diện cho công ty về quyền lợi, nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham gia các hoạt động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như quảng cáo, triển lãm sản phẩm, mở các đại lý bán hàng.
- Hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng tại ngân hàng...

### 2.1.2.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Mê Linh



Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận:

- Giám đốc công ty là người điều hành cao nhất của công ty, có quyền điều hành mọi hoạt động diễn ra, là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra trong công ty. Có quyền quyết định và tổ chức cơ cấu hoạt động của công ty phù hợp để đảm bảo đem lại lợi ích là lớn nhất.
- Phó giám đốc: Là người trực tiếp nhận nhiệm vụ của giám đốc. Thay mặt giám đốc khi giám đốc vắng mặt, trực tiếp quản lý các bộ phận trong công ty
- Phòng kế toán : Tổ chức bộ máy hạch toán kinh tế toàn công ty theo chế độ kế toán của nhà nước quy định, tham gia vào việc phân tích kinh tế của công ty. Phòng kế toán có nhiệm vụ giải quyết những mối quan hệ tài chính hình thành trong quá trình tuần hoàn luân chuyển vốn trong sản xuất và kinh doanh; tổ chức hạch toán các nghiệp vụ mua bán, thanh toán công nợ, thanh toán với ngân hàng nhà nước, phân phối lợi nhuận, quản lý vốn, tài sản, hàng hóa, chi phí bằng cách



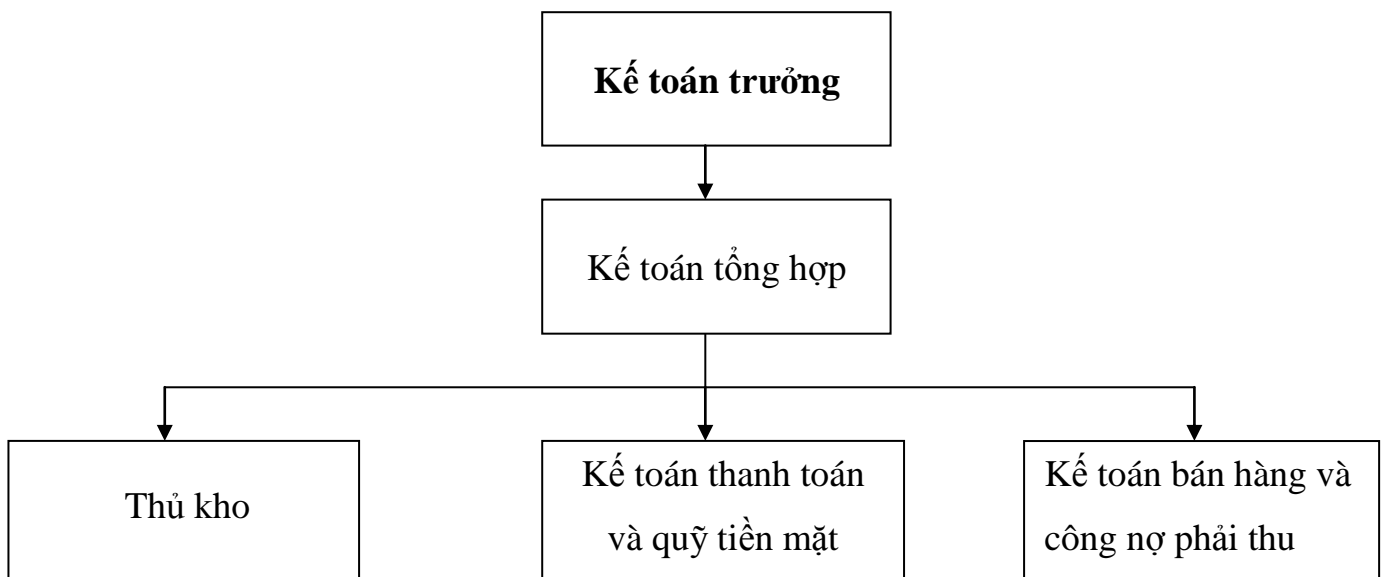
theo dõi, phản ánh chính xác sự biến động cũng như các đối tượng đó. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo dõi đúng quy định.

- Phòng tổ chức hành chính: Chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự thực hiện công tác chính quản trị.
- Phòng kinh doanh: Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nghiên cứu và tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh. Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thực hiện liên doanh liên kết mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa, giao dịch và đàm phán với khách hàng.
- Phòng quản lý chất lượng, dịch vụ: có nhiệm vụ đề ra các tiêu chuẩn chất lượng phải đạt được của từng mặt hàng khác nhau. Nghiên cứu đề xuất các phương án, các sản phẩm mới nhất có tính ưu việt lớn nhất, mẫu mã đẹp nhất và chất lượng là tốt nhất. Là trung tâm thu thập thông tin từ thị trường và khách hàng những phản ứng của họ về các sản phẩm mà công ty phân phối, nhằm mục đích cung cấp sản phẩm đem lại lợi ích cho người tiêu dùng là lớn nhất và lợi ích mang lại cho công ty cũng là lớn nhất.

### **2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.**

#### **2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung để phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này giúp cho việc chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo tính chặt chẽ. Sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán trong doanh nghiệp.

**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại Mê Linh**

Phòng kế toán có nhiệm vụ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của công ty

- Đứng đầu là kế toán trưởng- trưởng phòng kế toán: Là người giám sát, tổ chức kiểm tra công tác kế toán, chỉ đạo hạch toán các khâu các bộ phận, tập trung làm kế toán chi tiết kê sổ tổng hợp, sau đó đối chiếu và tham mưu cho giám đốc trong công tác quản lý tài chính: Lập báo cáo tổng hợp, lên báo cáo quyết toán, mở sổ theo dõi quỹ của công ty; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin tài chính.

- Kế toán tổng hợp: Bao quát toàn bộ công việc, phụ trách việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kế toán trưởng xem xét

- Kế toán thanh toán và quỹ tiền mặt: Lập phiếu thu – chi tiền mặt, tiền ngân hàng hàng ngày; Theo dõi nhân sự toàn công ty; Theo dõi công nợ phải trả cho các nhà cung cấp; Thực hiện lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

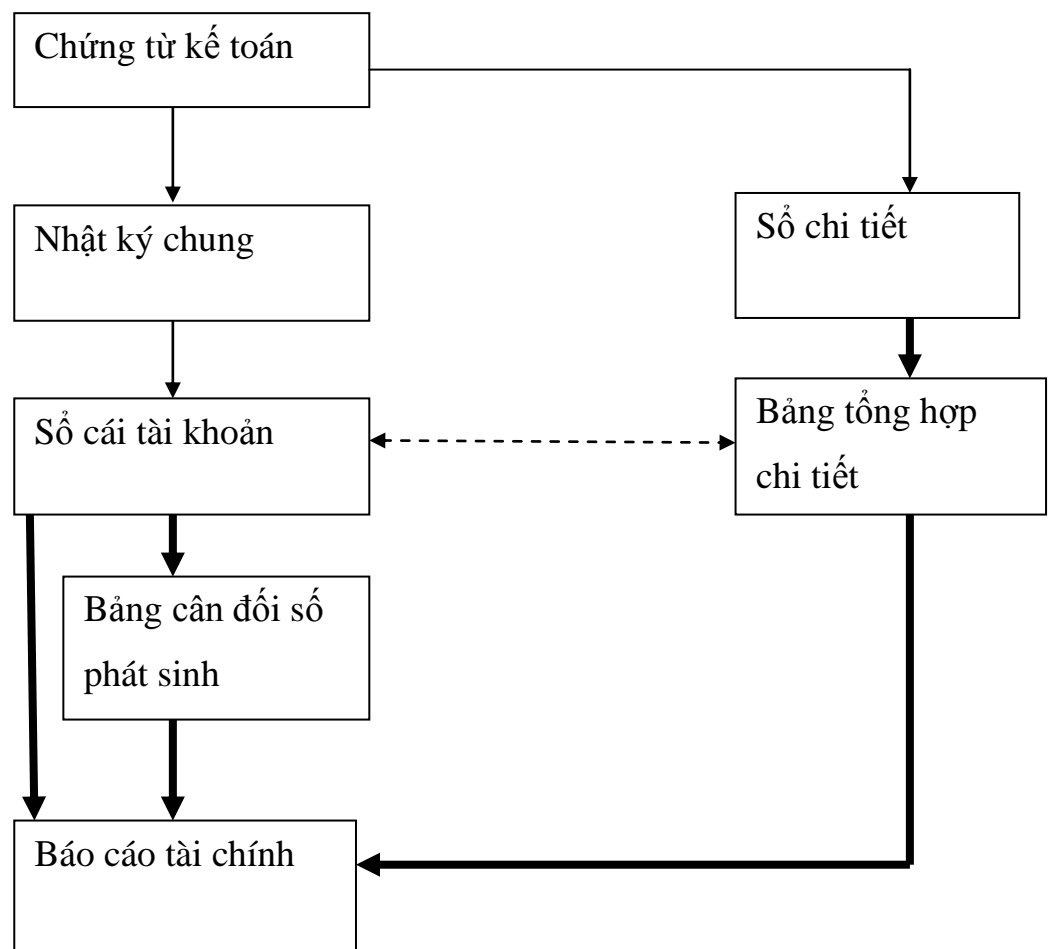
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu: Theo dõi nhập - xuất - tồn kho hàng hóa, nguyên vật liệu; Theo dõi các Hợp đồng mua - bán - cho thuê xe; Theo dõi chi tiết tiền đặt cọc thuê, mua xe của khách hàng; Ra hóa đơn cho khách hàng theo đúng nội dung hợp đồng đã ký; Theo dõi công nợ phải thu của từng khách hàng; Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

- Thủ kho: Thực hiện việc nhập – xuất kho nguyên vật liệu, vật tư theo đúng định mức; Ghi phiếu xuất – nhập kho cho từng chi tiết theo phiếu yêu cầu; Lập bảng nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu, vật tư; Tính giá vốn sản xuất của từng loại sản phẩm để chuyển cho kế toán tổng hợp tính giá thành; Thực hiện việc lưu trữ chứng từ kế toán liên quan.

### **2.1.3.2 Đặc điểm chế độ kế toán**

- **Chế độ kế toán áp dụng:** áp dụng chế độ do bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính
- **Niên độ kế toán:** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm
- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Việt Nam đồng
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** phương pháp kê khai thường xuyên
- **Phương pháp tính giá hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ
- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định( hữu hình, vô hình, thuê tài chính):** Phương pháp khấu hao đường thẳng
- **Sổ sách kế toán công ty áp dụng:**  
**Hình thức kế toán:** Hình thức ghi sổ kế toán mà công ty đã và đang áp dụng là hình thức nhật ký chung. Đây là hệ thống phù hợp với mọi loại hình, mọi quy mô doanh nghiệp.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\longrightarrow$   
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

Trình tự luân chuyển chứng từ: Hàng ngày khi nhận được chứng từ kế toán chuyển đến, kế toán ghi đồng thời vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết. Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết ( được lập từ các sổ chi tiết ) . Lấy số liệu từ sổ cái cuối kỳ kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh , bảng tổng hợp chi tiết được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty.

**2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh.**

**2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác**

**2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng**

**\*Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

**\*Tài khoản sử dụng**

- TK 511- “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Trong đó tài khoản 511 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5111- “doanh thu bán hàng hóa”
- TK 5112- “doanh thu bán nhà”
- TK 5113- “doanh thu cung cấp dịch vụ”

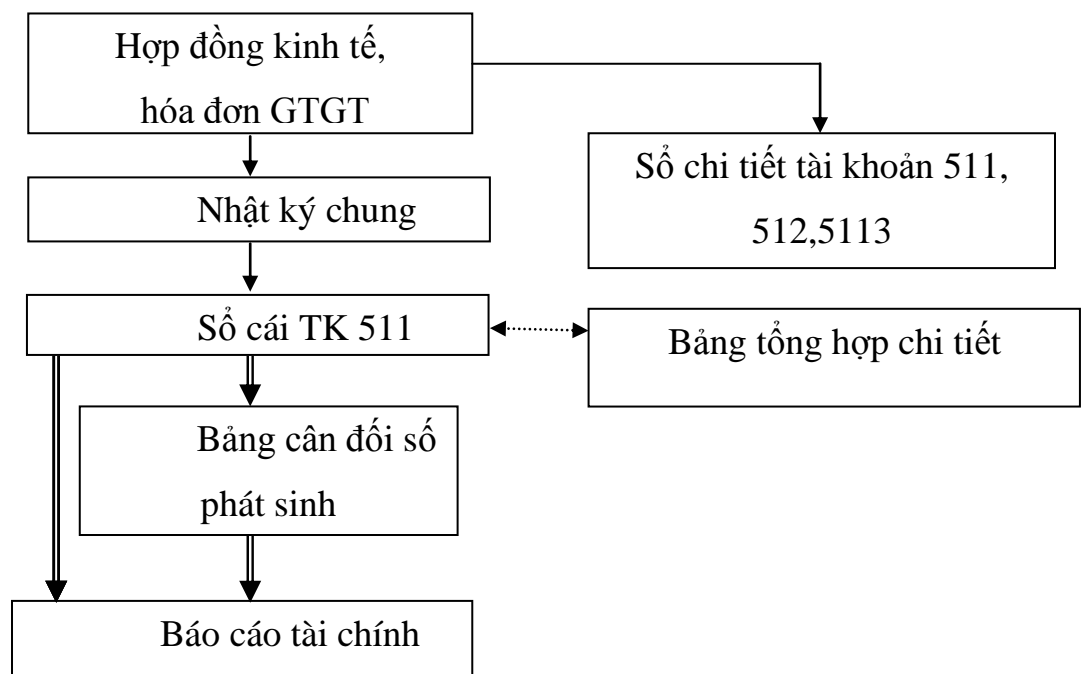
**\*Phương thức bán hàng:** Bán hàng trực tiếp

**\*Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng

**\*Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 2.4:** Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



**Chú thích:**

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối kỳ
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, phiếu thu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung.

Từ số liệu ở sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511. Lấy số liệu từ sổ cái TK 511 cuối kỳ kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh .

Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty.

**Ví dụ1:** Ngày 2/6/2013 bán 1 chiếc xe liberty cho khách hàng Khúc Ngọc Hải với tổng giá thanh toán là 54.000.000đồng( VAT 10%) , Giá vốn là 45.214.326 đồng khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000558( Biểu 2.1) lập phiếu thu số 481( Biểu 2.2), căn cứ vào HĐGTGT và phiếu thu ghi vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.5) và sổ cái TK 511( Biểu 2.6)

**Biểu số 2.1:** Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000558**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

(Liên 3: Nội bộ)

Ký hiệu: AA/12P

Ngày 02 tháng 06 năm 2013

Số: 0000558

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Mã số thuế: 0200409255

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.610016 – 0313.701701

Fax: 0313.610468

Họ tên người mua hàng: Khúc Ngọc Hải

Địa chỉ: 32/88 Phạm Hữu Điều, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Xe máy mới 100% hiệu liberty		01	49.090.909	49.090.909
Cộng tiền hàng					49.090.909
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					4.909.091
Tổng cộng tiền thanh toán:					54.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng chẵn					

Ngày 02 tháng 06 năm 2013

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.2:** Phiếu thu số 481

Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 02 tháng 06 năm 2013

Số : 481

Nợ 111:

Có 5111,3331:

Người nộp: Khúc Ngọc Hải

Địa chỉ: 32/88 Phạm Hữu Điều – Lê Chân – Hải Phòng

Nội dung: Thu tiền bán xe

Số tiền: 54.000.000 VNĐ

Bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

**Kế toán thanh toán***( Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***( Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***( Ký, ghi rõ họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ ): Năm mươi tư triệu đồng chẵn

Ngày 02 tháng 6 năm 2013

**Người nộp***(Ký, ghi rõ họ tên)***Thủ quỹ***(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ví dụ 2:** Ngày 4/6/2013 Sửa chữa xe máy cho khách hàng Nguyễn Ánh Trà My số tiền 750.000đồng ( VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 560 ( Biểu 2.3) lập phiếu thu số 485( Biểu 2.4), căn cứ vào HĐGTGT và phiếu thu ghi vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.5) và sổ cái TK 511 ( Biểu 2.6)



**Biểu 2.3:** Hóa đơn GTGT số 0000560**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: Nội bộ)

04 tháng 06 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: 0000560

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Mã số thuế: 0200409255

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.610016 – 0313.701701

Fax: 0313.610468

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ánh Trà My

Địa chỉ: 8 /15 Phạm Hồng Thái- Hồng Bàng- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Sửa chữa xe				681.818
Cộng tiền hàng					681.818
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					68.182
Tổng cộng tiền thanh toán:					750.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn					

Ngày 04 tháng 06 năm 2013

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

( Ký, ghi rõ họ tên )

( Ký, ghi rõ họ tên )

( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên )

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao , nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.4:** Phiếu thu số 485

Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 01-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**  
Ngày 04 tháng 06 năm 2013

Số : 485  
Nợ 111:  
Có 5113,3331:

Người nộp: Nguyễn Ánh Trà My  
Địa chỉ: 8/15 Phạm Hồng Thái- Hồng Bàng- Hải Phòng  
Về khoản: Thu tiền sửa chữa xe  
Số tiền: 750.000 VNĐ  
Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn  
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

**Kế toán thanh toán**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

( Ký, ghi rõ họ tên)

( Ký, ghi rõ họ tên)

( Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ ): Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 04 tháng 06 năm 2013

**Người nộp**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

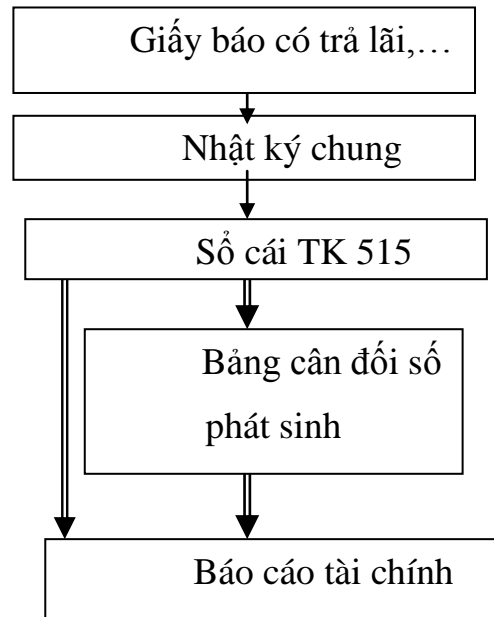
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)



**Sơ đồ 2.5:** Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Chú thích:       $\longrightarrow$  : Ghi hàng ngày  
                    $\Longrightarrow$  : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 515

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm báo cáo tài chính

**Ví dụ:** Ngày 30/06/2013 công ty nhận giấy báo có trả lãi của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam về tiền gửi tháng 06 năm 2013 được hưởng là 202.228 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có trả lãi tiền gửi Vietcombank tháng 06( Biểu 2.7) kế toán ghi sổ nhật ký chung ( Biểu 2.5), sổ cái TK 515( Biểu 2.8).

**Biểu 2.7:** Giấy báo có

**Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam**

**GIẤY BÁO CÓ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã GDV:

Mã:

HSKH:

Số GD:

Kính gửi: công ty TNHH thương mại Mê Linh

Mã số thuế: 0200409255

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Loại tiền: VNĐ      Loại tài khoản: tiền gửi ngân hàng

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết:

Số TK ghi có:      0031000037452

Số tiền bằng số:      202.228

Số tiền bằng chữ:      Hai trăm linh hai nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng.

Nội dung:      Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 6

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.8:** Trích sổ cái TK 515 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh Mẫu số: S03b-DN  
 Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 Lê Chân, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
30/ 06	PBC	30/0 6	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111		202.228
			.....			
30/ 07	PBC	30/0 7	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 7	111		179.398
			.....			
30/ 08	PBC	30/0 8	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 8	111		328.682
			.....			
31/1 2	PKT	31/1 2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	3.014.603	
			Cộng số phát sinh		3.014.603	3.014.603
			Số dư cuối kỳ		X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

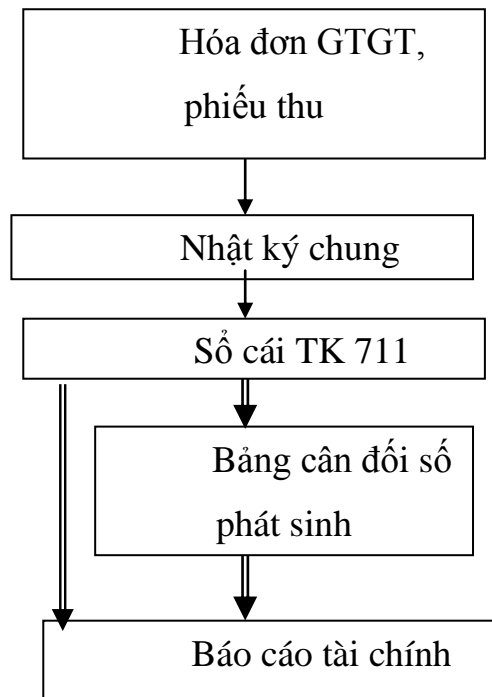
**2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác****\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác

**\*Tài khoản sử dụng:**

- TK 711- “thu nhập khác”
- TK 7111 – “thu nhập khác”: được thưởng, bồi thường



**\* Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 2.6:** Quy trình hạch toán thu nhập khác

Chú thích:       $\longrightarrow$       : Ghi hàng ngày  
                           $\Longrightarrow$       : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày khi nhận được hóa đơn giá trị GTGT, phiếu thu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 711.

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty.

**Ví dụ:** Ngày 30 tháng 6 năm 2013 nhượng bán xe ô tô Toyota Corolla AVENSIS 2.0 AT kiểm soát 16H – 3994 (Số khung: 4AF078768, Số máy: FPYC125564, màu đen) số tiền nhận được là 345.000.000( chưa thuế VAT 5%), công ty đã nhận được bằng tiền gửi ngân hàng  
 Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản cố định ( biểu 2.9) lập sổ nhật ký chung( biểu 2.5) và sổ cái tài khoản 711( biểu 2.10)

**Biểu 2.9:** Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH TM Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,

Lê Chân, Hải Phòng

Số: 04/BBTLTSCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

- Căn cứ thông tư số 37/TT/TCKT ngày 25/2/1994 của Bộ Trưởng Bộ GTVT về việc hướng dẫn chế độ thanh lý TSCĐ trong ngành GTVT.

- Căn cứ kế hoạch thanh lý TSCĐ của Cty TNHH TM Mê Linh

Nay thành lập hội đồng thanh lý gồm:

Ông: Vũ Ngọc Sinh

Chức vụ: Giám đốc công ty

Bà: Trịnh Thị Nga

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Hữu Đại

Chức vụ: Thanh tra

Đã tiến hành thị sát xem xét cụ thể:

Tên TSCĐ: xe ô tô Toyota Corrolla AVENSIS 2.0 AT

Số hiệu ghi TSCĐ: BKS 16H - 3994

Qui cách: xe ô tô

Đặc điểm: ngoại thất màu đen, 5 chỗ

Số khung: 4AF078768

Số máy: FPYC125564

Khấu hao cơ bản đã tính đến ngày: 30/06/2013

Đưa vào sử dụng: 1/2/2006

1/ Trạng thái kỹ thuật: bình thường

2/ Nguyên nhân thanh lý: đổi mới nâng cao chất lượng xe.

3/ Giá trị còn lại: 157.583.333

4/ Giá trị thu hồi: 345.000.000

Kết luận và kiến nghị của Hội đồng: đồng ý thanh lý xe ô tô BKS 16H - 3994

**Thanh tra****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	PT	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

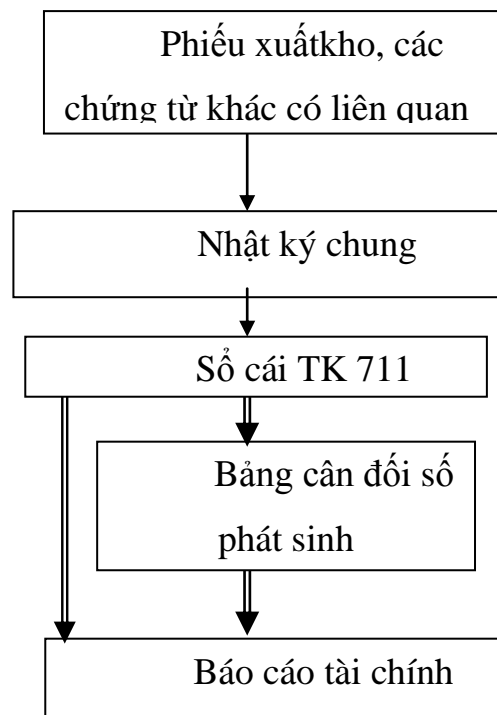
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)



**Sơ đồ 2.7:** quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Chú thích:   
 —————> : Ghi hàng ngày  
 =====> : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày khi nhận được hóa đơn giá trị GTGT, phiếu thu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 632.

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty

**Ví dụ 1:** Ngày 2/6/2013 bán 1 chiếc xe liberty cho khách hàng Khúc Ngọc Hải với giá vốn 45.214.326 và tổng giá thanh toán là 54.000.000đồng( VAT 10% ), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000458 lập phiếu xuất kho số 378( biểu 2.11) , căn cứ vào phiếu xuất kho số 178 ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632( biểu số 2.14)

**Biểu số 2.11:** Phiếu xuất kho

Công ty TNHH TM Mê Linh

Mẫu số: 02-VT

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 2 tháng 6 năm 2015

Số 378

Nợ 632:

Có 156

Họ tên người giao nhận: Khúc Ngọc Hải

Địa chỉ: 32/88 Phạm Hữu Điều – Lê Chân – Hải Phòng

Theo HĐ 000458 ngày 2 tháng 6 năm 2015

Mục đích sử dụng: Xuất bán hàng

Xuất tại kho: Kho công ty TNHH thương mại Mê Linh

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe liberty		Chiếc	1	1	45.214.326	45.214.326
Cộng							45.214.326

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn mươi lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng.

Tổng chứng từ kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 02 tháng 06 năm 2013

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký tên, họ tên)

(Ký tên, họ tên)

(Ký tên, họ tên)

(Ký tên, họ tên)

**Ví dụ 2:** Ngày 4/6/2013 Sửa chữa xe máy cho khách hàng Nguyễn Ánh Trà My số tiền 750.000đồng ( VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000560( biểu số 2) lập phiếu xuất kho số 381( biểu số 2.12), phiếu tổng hợp chi phí sửa chữa xe máy( biểu số 2.13) , căn cứ vào phiếu xuất kho số 381 ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632( biểu số 2.14)

**Biểu số 2.12:** Phiếu xuất kho

Công ty TNHH TM Mê Linh

Mẫu số: 02-VT

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 04 tháng 06 năm 2015

Số 381

Nợ 632:

Có 156

Họ tên người giao nhận: Nguyễn Văn Hiệp

Theo HĐ 000560 ngày 4 tháng 6 năm 2015

Mục đích sử dụng: Xuất sửa chữa xe máy

Xuất tại kho: Kho công ty TNHH thương mại Mê Linh

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vòng bi liberty	83018R	Cái	1	1	52.509	52.509
2	Trục lapli	880622	cái	1	1	488.400	488.400
Cộng							540.909

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm bốn mươi nghìn chín trăm linh chín  
đồng

Tổng chứng từ kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 04 tháng 06 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký tên, họ tên)Người nhận hàng  
(Ký tên, họ tên)Thủ kho  
(Ký tên, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký tên, họ tên)

**Biểu số 2.13:** Phiếu tổng hợp chi phí sửa chữa

Công ty TNHH TM Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA**

<b>STT</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Chi phí vật tư	540.909
3	Chi phí nhân công	85.000
4	Chi phí khác	47.000
Tổng		672.000

Ngày 04 tháng 06 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

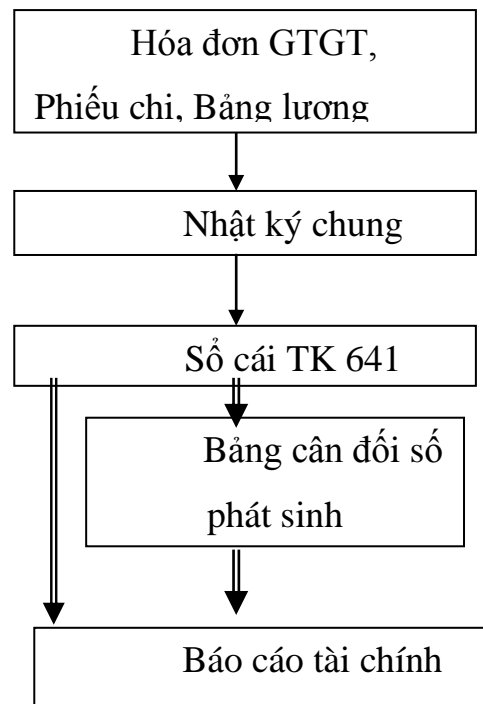
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)



**Sơ đồ 2.8:** Quy trình hạch toán chi phí bán hàng

Chú thích:   
 → : Ghi hàng ngày  
 ==> : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày khi nhận được hóa đơn giá trị GTGT, phiếu chi, bảng thanh toán lương,..... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 641

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty

**Ví dụ 1:** Ngày 23/6/2013 thanh toán tiền tiếp khách số tiền 2.500.000 đồng ( đã bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt  
 Căn cứ vào HĐGTGT số 235 liên 2 ( biểu số 2.15) kế toán lập phiếu chi số 811.  
 Căn cứ vào phiếu chi và hóa đơn GTGT kế toán ghi sổ nhật ký chung và sổ cái TK 641( biểu số 2.17)

**Biểu số 2.15:** Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000381**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

(Liên 2: giao khách hàng)

Ký hiệu: AA/13P

Ngày 23 tháng 06 năm 2013

Số: 0000381

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần trang trí nội ngoại thất Hoàng Gia

Mã số thuế: 0201084049

Địa chỉ: Số 186 đường Mạc Quyết, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hp

Điện thoại: 0313829896

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Mã số thuế: 0200409255

Địa chỉ: 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Dịch vụ ăn uống				2.272.727
Cộng tiền hàng					2.272.727
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					227.273
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn					

Ngày 23 tháng 06 năm 2013

Người mua hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên )Người bán hàng  
( Ký, ghi rõ họ tên )Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên )

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao , nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.16:** Phiếu chi số 611

Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 23 tháng 06 năm 2013

Số : 811

Nợ 641:

Có 111:

Họ tên người nhận tiền : Hoàng Thị Châu

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi : Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 2.500.000

Bằng chữ: Hai triệu năm trăm đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 6 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	PT	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.17:** Trích sổ cái TK 641 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh Mẫu số: S03b-DN  
 Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 Lê Chân, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

TK 641- chi phí bán hàng

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	111	2.272.727	
			.....			
31/ 12	PKT	31/ 12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		1.760.095.934
			Cộng số phát sinh		1.760.095.934	1.760.095.934
			Số dư cuối kỳ		X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

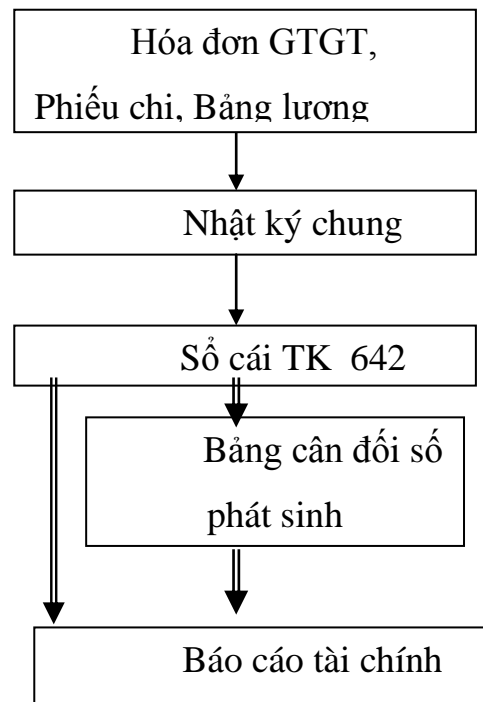
**2.2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 642 - “chi phí quản lý doanh nghiệp”

**\*Phương pháp hạch toán:****Sơ đồ 2.9:** Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chú thích:  $\longrightarrow$  : Ghi hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày khi nhận được hóa đơn giá trị GTGT, phiếu chi, bảng thanh toán lương,..... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty

**Ví dụ 2:** Ngày 20 tháng 6 năm 2013 thanh toán tiền điện công ty điện lực Hải Phòng với số tiền là 2.001.626 đã bao gồm thuế GTGT 10%

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0421754( biểu 2.18) kế toán tiến hành lập phiếu chi( biểu 2.19). Từ phiếu chi 592 và hóa đơn GTGT ghi số liệu vào Nhật ký chung và Sổ cái TK 642( Biểu 2.2



ENV NPC

HÓA ĐƠN GTGT( TIỀN ĐIỆN)

Mẫu số: 01GTKT2/001

TỔNG CÔNG TY

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ký hiệu: VM/13P

ĐIỆN LỰC MIỀN

Kỳ 1: Từ ngày 13/5 Đến ngày 20/6

Số: 0370973

BẮC

Công ty Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ:

Điện thoại:

MST:

ĐT sửa chữa: 0313.792.519

Tên khách hàng: Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: Số 221, phường Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.610016

MST: 0200409255

Số công tơ: 09561658

Số hộ: `

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Diện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	15845	15105		740		
				740	2.459	1,819,660
Ngày 16 tháng 6 năm 2013						
Bên bán điện						
(Đóng dấu, ghi họ tên)						
Cộng						1,819,660
Thuế suất GTGT 10% Thuế GTGT						181,966
Tổng						2,001,626

Mã KH:  
PA09080846830Mã T.toán:  
PA09080846830

Mã NN: 2218

Mã giá 100% SXBT

ID HĐ: 43669800

Bằng chữ: Hai triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm hai sáu đồng chẵn

**Biểu số 2.19:** Phiếu chi số 604

Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau,  
Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 19 tháng 06 năm 2013

Số : 804

Nợ 642:

Có 111:

Họ tên người nhận tiền : Trần Thị Nhàn

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi : Chi tiền điện

Số tiền: 2.001.626

Bằng chữ: Hai triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm hai sáu đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 6 năm 2013

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
------------------------------------	------------------------------------	-------------------------	-----------------------------------	------------------------------------

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.20:** Trích sổ cái TK 642 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh

Mẫu số: S03b-DN

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
Lê Chân, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

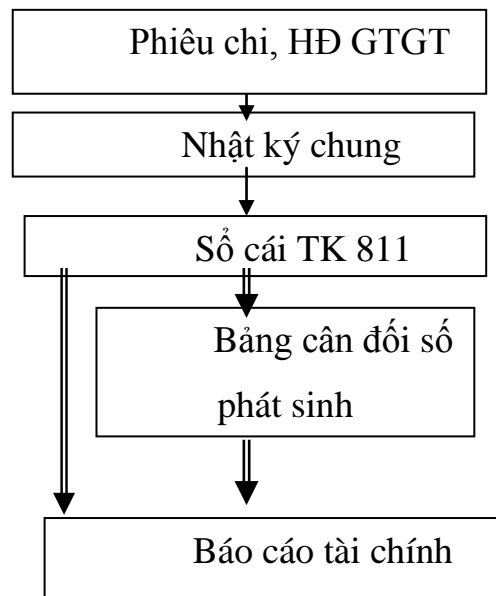
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
19/ 06	PC 804	19/0 6	Thanh toán tiền điện	111	1.819.660	
			.....			
31/ 12	PKT	31/ 12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		773.945.809
			Cộng số phát sinh		773.945.809	773.945.809
			Số dư cuối kỳ		X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)**2.2.2.4. Kế toán chi phí khác****\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng:** TK 811: - “chi phí khác”**\* Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 2.10:** Quy trình hạch toán chi phí khác

Chú thích:       $\longrightarrow$  : Ghi hàng ngày  
                    $\Longrightarrow$  : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào phiếu chi, hóa đơn giá trị gia tăng .....kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 811

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty.

**Ví dụ:** Ngày 30 tháng 6 năm 2013 nhượng bán xe ô tô Toyota Corrolla AVENSIS 2.0 AT kiểm soát 16H – 3994 (Số khung: 4AF078768, Số máy: FPYC125564, màu đen) số tiền nhận được là 345.000.000( chưa thuế VAT 5%), công ty đã nhận được bằng tiền gửi ngân hàng

Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản cố định ( biểu 2.9) lập sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 811( biểu số 2.21)

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	PT	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.21:** Trích số cái TK 811 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh

Mẫu số: S03b-DN

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
Lê Chân, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

TK 811- Chi phí khác

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
30/ 06	BB TL04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	211	157.583.322	
31/ 12	PKT	31/ 12	Kết chuyển chi phí khác	911		425.074.623
			Cộng số phát sinh		425.074.623	425.074.623
			Số dư cuối kỳ		X	X

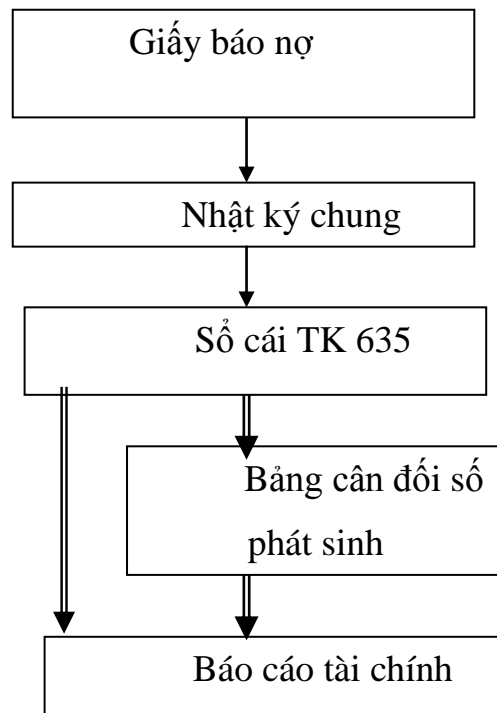
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)**2.2.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính****\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 635 - “chi phí tài chính”
- TK 6351 - “chi phí tài chính”
- TK 6352 - “chi phí lãi vay”

**Sơ đồ 2.11:** Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính

Chú thích:   
 → : Ghi hàng ngày  
 ==> : Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào phiếu báo nợ, phiếu kế toán .....kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 635.

Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ cái kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ lập báo cáo tài chính của công ty.

**Ví dụ:** Ngày 30/6 Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam- CN hải phòng về việc trả lãi vay tháng 6, số tiền 21.855.000

Căn cứ vào giấy báo nợ( biểu 2.22), kế toán ghi vào nhật ký chung và sổ cái TK 635( biểu 2.23)



**Biểu số 2.22:** Giấy báo nợ

**Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam**

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Kính gửi: Công TY TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: Số 221 Tô Hiệu, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

Tài khoản số: 0031000037452

Nội dung: lãi vay tháng 6

Số tiền: 21.855.000

Viết bằng chữ: Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Đã ký)

(Đã ký)

**Biểu 2.5:** Trích sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
02/ 06	HĐ 558	02/ 06	Bán xe máy cho khách lẻ	111 5111 3331	54.000.000	49.090.909 4.909.091
02/ 06	PX 378	02/ 06	Xuất hàng bán cho khách lẻ	632 156	45.214.326	45.214.326
			.....			
04/ 06	HĐ 560	04/ 06	Sửa chữa xe máy	111 5113 3331	750.000	681.818 68.182
04/ 06	PX 381	04/ 06	Xuất kho phụ tùng sửa chữa xe máy	632 156	540.909	540.909
			.....			
19/ 06	PC 804	19/ 06	Thanh toán tiền điện	642 133 111	1.819.660 181.966	2.001.626
			.....			
23/ 06	PC 811	23/ 06	Thanh toán tiền tiếp khách	641 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	635 112	21.855.000	21.855.000
30/ 06	PBC	30/ 06	NH vietcombank trả lãi trên số dư TK tháng 6	111 515	202.228	202.228
30/ 06	PT	30/ 06	Thu nhập từ việc nhượng bán TSCĐ	112 711 3331	379.500.000	345.000.000 34.500.000
30/ 06	BB TL 04	30/ 06	Xóa sổ TSCĐ	811 214 211	157.583.332	157.583.333 610.000.000
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.23:** Trích số cái TK 635 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH TM Mê Linh

Mẫu số: S03b-DN

Số 221 Tô Hiệu, phường Trại Cau, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
Lê Chân, Hải Phòng 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

TK 635- chi phí tài chính

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
30/ 06	GBN	30/ 06	Trả lãi vay tháng 6 cho ngân hàng Vietcombank	112	21.855.000	
31/ 12	PKT	31/ 12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		2.090.738.897
			Cộng số phát sinh		2.090.738.897	2.090.738.897
			Số dư cuối kỳ		X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**2.2.3. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh****\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

**\*Tài khoản sử dụng:**

- TK 911 – “xác định kết quả kinh doanh”
- TK 821-“Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 421 – “ lợi nhuận chưa phân phối”

Cuối năm thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh

**Ví dụ:** Ngày 31/1/2/2013 kế toán thực hiện kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp năm 2013

*Lợi nhuận trước thuế= doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ+ doanh thu tài chính+thu nhập khác- Giá vốn- Chi phí tài chính- Chi phí bán hàng- chi phí quản lý doanh nghiệp-Chi phí khác*

-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 76.898.532.798

-Doanh thu hoạt động tài chính: 3.014.603

-Thu nhập khác: 2.485.761.368

- Giá vốn hàng bán: 74.058.350.753

- Chi phí tài chính: 2.090.738.897

- Chi phí bán hàng: 1.760.095.934

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 773.945.809

- Chi phí khác: 425.074.623

Kết quả kinh doanh= 76.898.532.798+3.014.603+ 2.485.761.368-74.058.350.753-2.090.738.897-1.760.095.934-773.945.809-425.074.623

= 279.102.753 > 0 => lãi

Thuế TNDN phải nộp= 279.102.753\*25%= 69.775.688

Lợi nhuận sau thuế= 279.102.753\* 75%= 209.327.065

Kế toán lập phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Căn cứ vào phiếu kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 911 và các sổ khác có liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính

**Biểu 2.24:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	Xe máy	76.898.532.798	
	911	Xe máy		76.898.532.798
Cộng			76.898.532.798	76.898.532.798

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.25:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	Xe máy	3.014.603	
	911	Xe máy		3.014.603
Cộng			3.014.603	3.014.603

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.26:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển thu nhập khác	711	Xe máy	2.485.761.368	
	911	Xe máy		2.485.761.368
Cộng			2.485.761.368	2.485.761.368

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.27:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	Xe máy		74.058.350.753
	632	Xe máy	74.058.350.753	
Cộng			74.058.350.753	74.058.350.753

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.28:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển giá chi phí hoạt động tài chính	911	Xe máy		2.090.738.897
	635	Xe máy	2.090.738.897	
Cộng			2.090.738.897	2.090.738.897

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.29:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Kết chuyển giá chi phí bán hàng	911	Xe máy		1.760.095.934
	641	Xe máy	1.760.095.934	
Cộng			1.760.095.934	1.760.095.934

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.30:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển giá chi	911	Xe máy		773.945.809
phí quản lý doanh nghiệp	642	Xe máy	773.945.809	
Cộng			773.945.809	773.945.809

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.31:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

S221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển giá chi	911	Xe máy		425.074.623
phí khác	811	Xe máy	425.074.623	
Cộng			425.074.623	425.074.623

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



**Biểu 2.32:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	Xe máy	69.775.688	
	334	Xe máy		69.775.688
Cộng			69.775.688	69.775.688

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.33:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển thuế TNDN	911	Xe máy	69.775.688	
	8211	Xe máy		69.775.688
Cộng			69.775.688	69.775.688

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.34:** Phiếu kế toán

Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển lãi năm 2013	911	Xe máy	209.327.065	
	421	Xe máy		209.327.065
Cộng			209.327.065	209.327.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.35:** Trích sổ nhật ký chung năm 2013

Công ty TNHH thương mại Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			.....			
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511 911	76.898.532.798	76.898.532.798
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	3.014.603	3.014.603
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	2.485.761.368	2.485.761.368
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	74.058.350.753	74.058.350.753
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911 635	2.090.738.897	2.090.738.897
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 641	1.760.095.934	1.760.095.934
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	773.945.809	773.945.809
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	425.074.623	425.074.623
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911 821	69.775.688	69.775.688
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển lợi nhuận	911 421	209.327.065	209.327.065
			Cộng số phát sinh		706.791.737.129	706.791.737.129

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.36:** Trích sổ cái TK 821 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  
Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31 /12	PKT	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	69.775.688	
31 /12	PKT	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821		69.775.688
			Cộng số phát sinh		69.775.688	69.775.688
			Số dư cuối kỳ		X	X

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.37:** Trích sổ cái TK 911 theo hình thức nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại Mê Linh  
số 221 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ			X	X
			Số phát sinh trong kỳ				
			.....				
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511			76.898.532.798
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515			3.014.603
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711			2.485.761.368
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	74.058.350.753		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	2.090.738.897		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	1.760.095.934		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	773.945.809		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	425.074.623		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	69.775.688		
31/ 12	PKT	31/12	Kết chuyển lợi nhuận	421	209.327.065		
			Cộng số phát sinh		79.387.308.769		79.387.308.769
			Số dư cuối kỳ			X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.38:** Trích sổ cái TK 421 theo hình thức nhật ký chung

: Công ty TNHH TM Mê Linh  
Số 221 Tô hiệu, Lê Chân  
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tài khoản 421-lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lợi nhuận	911		209.327.065
			Cộng số phát sinh			209.327.065
			Số dư cuối kỳ		X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	76.898.532.798	114.499.435.708
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		76.898.532.798	114.499.435.708
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	74.058.350.753	111.380.048.924
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.840.182.045	3.119.386.784
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.014.603	3.671.709
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	2.090.738.897	2.176.362.106
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.060.723.663	2.139.243.481
8	Chi phí bán hàng	24		1.760.095.934	13.444.876.747
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		773.945.809	667.233.386
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( 30=20+(21-22)+(24-25))	30		(1.781.583.992)	(1.065.413.746)
11	Thu nhập khác	31		2.485.761.368	1.489.302.572
12	Chi phí khác	32		425.074.623	
13	Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		2.060.686.745	1.489.302.572
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		279.102.753	423.888.826
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	69.775.688	105.972.207
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		209.327.065	317.916.619
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

( Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH thương mại Mê Linh)

---

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MÊ LINH**

### **3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh**

#### **3.1.1 Kết quả đạt được**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại Mê Linh em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, tổ chức quản lý cũng như quy mô của công ty. Kế toán viên đảm nhận chức năng nhiệm vụ riêng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

- Chứng từ và quá trình luân chuyển chứng từ: Hiện nay công ty đang áp dụng đầy đủ hệ thống tài khoản được ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Các chứng từ sử dụng theo đúng với mẫu do Bộ Tài Chính qui định, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho việc kê khai thuế, nộp thuế rất thuận lợi. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện khẩn trương, liên tục.

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh.

- Sổ sách kế toán: Hệ thống sổ sách được ghi chép đầy đủ, đúng chế độ kế toán hiện hành. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận từng năm

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Tổ chức xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo về việc cung cấp thông tin kịp thời



### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những tồn tại cần hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn yêu cầu trong công tác quản lý của công ty.

#### **3.1.2.1 . Về chứng từ sử dụng**

Hiện nay, công ty chưa đánh số cho các phiếu hạch toán trong kỳ dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

#### **3.1.2.2. Về tài khoản sử dụng**

Công ty chưa mở TK chi tiết cho TK 641, 642 dẫn đến việc hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp chưa được chi tiết

#### **3.1.2.3 Về phương pháp tính giá hàng xuất kho**

Hiện nay lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là kinh doanh, lắp ráp sửa chữa dòng xe tay ga với giá trị lớn. Vì vậy tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn chưa phản ánh đúng giá của mỗi loại mawtu hàng

#### **3.1.2.4 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn, không tiếp cận được kịp thời những cải tiến trong công tác kế toán mà các phần mềm kế toán mang lại như:

- Kế toán mất nhiều thời gian cho việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh
- Tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

-

### **3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Mê Linh**

#### **3.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán**

Công ty nên đánh số phiếu kế toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu kế toán nên đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PKT 01/12, PKT 02/12, PKT 03/12....

Công ty TNHH thương mại Mê Linh  
Số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số 1/12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	Xe máy	76.898.532.798	
	911	Xe máy		76.898.532.798
Cộng			76.898.532.798	76.898.532.798

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH thương mại Mê Linh  
Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Trại cau, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số 02/12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Vụ việc</b>	<b>Phát sinh nợ</b>	<b>Phát sinh có</b>
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	Xe máy		74.058.350.753
	632	Xe máy	74.058.350.753	
Cộng			74.058.350.753	74.058.350.753

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 3.2.2 Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 641, TK 642 sẽ giúp cho việc hạch toán chi phí được chi tiết rõ ràng

Sau đây, em xin đưa ra ý kiến về việc mở tài khoản chi tiết cho TK 641, 642 như sau:

#### - TK 641- “Chi phí bán hàng”

- + TK 6411: lương nhân viên: 1.364.374.595
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì: 20.089.415
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dung: 4.600.120
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài: 4.409.818
- + TK 6418: chi phí bằng tiền khác: 366.621.986

#### - TK 642- “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- + TK 6422: Chi phí vật liệu: 226.907.721
- + TK 6423: Chi phí đồ dung, văn phòng: 74.295.363
- + TK 6424: Chi phí KH TSCĐ: 651.723.810
- + TK 6425: Chi phí thuế, phí, lệ phí: 9.400.225
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài: 224.272.273
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác: 173.897.917

### 3.2.3. Việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho

Công ty kinh doanh chủ yếu là dòng xe tay ga, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được vì vậy nên áp dụng phương pháp đích danh sẽ phản ánh được chi phí thực tế và phù hợp với doanh thu thực tế

### 3.2.4 Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Phần mềm kế toán đã và đang trở thành một trong những công cụ hiệu quả trong công tác kế toán. Công ty TNHH thương mại Mê Linh là một công ty thương mại, trong tháng phát sinh nhiều nghiệp vụ phát sinh cần phải ghi chép nhiều mà công việc kế toán chủ yếu tiến hành bằng Excel sẽ không tránh khỏi những sai sót. Do vậy, việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết cho công tác kế toán.

\* Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán

- Giảm bớt công việc ghi chép, tiết kiệm thời gian, giúp kế toán giải quyết được các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý thông tin
- Đảm bảo tính chính xác và sự tin tưởng vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp.
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, sổ sách theo quy định

\* Một số phần mềm kế toán hiện nay:

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012
- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán BRAVO
- ...

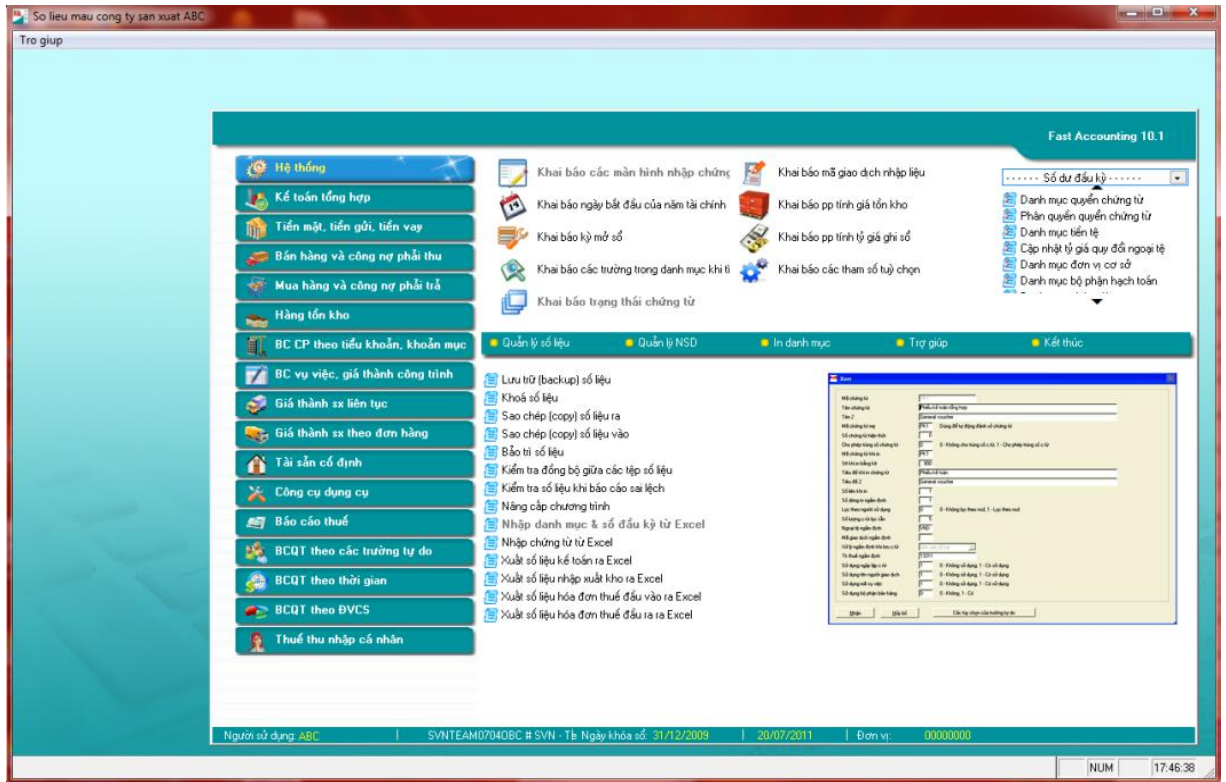
\* **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012**



*Chức năng:*

Phần mềm kế toán gồm có 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán và vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA

**\* Phần mềm kế toán FAST**



*Chức năng:*

Phần mềm Fast accounting ( phiên bản 10.1) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu ( tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu ( có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.



**\* Phần mềm kế toán smart***Chức năng*

- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau...
- Phân tích doanh thu theo thời điểm, theo dõi hàng bán bị trả lại, báo cáo doanh số theo từng nhân viên, lập biểu đồ phân tích doanh số bán hàng...
- Trích khấu hao TSCD và CPCPB theo từng bộ phận, theo dõi chi phí theo từng bộ phận tự động.
- Tổng hợp doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, nhóm hàng, từng nhân viên, hợp đồng...
- In báo cáo nhanh theo yêu cầu, in sổ kế toán hàng loạt với 1 thao tác
- Xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, in sổ nhật ký mua hàng và bán hàng theo từng ngày...
- Quản lý chiết khấu theo khách hàng, theo mặt hàng...
- Cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng, cảnh báo hạn sử dụng từng mặt hàng.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp, các tổ chức, các công ty chuyên kinh doanh sản xuất các loại mặt hàng tương tự nhau diễn ra hết sức gay gắt. Trong điều kiện cạnh tranh như thế, thực hiện chính sách tiêu thụ hàng hóa và tổ chức công tác kế toán tiêu thụ thành phẩm có ảnh hưởng lớn đến doanh số bán ra và lợi nhuận của doanh nghiệp. Nó cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho hoạt động bán hàng. Vì vậy Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định doanh thu, chi phí qua hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho Ban lãnh đạo công ty nắm được tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của công ty, từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của công ty trong thời gian tới. Bởi vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công việc thường xuyên và cần thiết trong mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh cùng với những lý luận được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thực tiễn, em đã mạnh dạn tìm hiểu và đi sâu vào đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh”**. Khóa luận đã đề cập và giải quyết một số vấn đề tổ chức bộ máy công tác kế toán và việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Mê Linh

Nội dung của đề tài này khá rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có kiến thức vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn. Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình từ phía các thầy cô giáo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty, các cô chú, anh chị phòng Kế hoạch – Kế toán Công ty TNHH thương mại Mê Linh đã tạo điều kiện cho em trong quá trình thực tập tại công ty. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Ths. Phạm Văn Tường và các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2015*

**Sinh viên**

**Nguyễn Thị Uyên**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1	Bộ tài chính (2009), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán</i> , Nhà xuất bản Tài chính
2	Bộ tài chính (2009), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán</i> , Nhà xuất bản Tài chính
3	Công ty Cổ phần Cơ điện 3D (2014), <i>Sổ sách kế toán công ty</i>
4	Trương Thị Thủy – Ngô Thế Chi (2012), <i>Kế toán Tài chính</i> , Nhà xuất bản Tài chính